

Số: 96/QĐ-ĐHXDHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao nhiệm vụ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm 2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 144/CP ngày 08/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Xây dựng; Quyết định số 1396/QĐ-TTg ngày 13/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Xây dựng thành Trường Đại học Xây dựng Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 231/QĐ-ĐHXDHN của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội ngày 17/3/2022 về việc ban hành Quy định về hoạt động NCKH sinh viên của trường Đại học Xây dựng Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Khoa học và Công nghệ.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2023 với tổng số 251 đề tài cho các sinh viên và giảng viên hướng dẫn (Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Giao cho Phòng Khoa học và Công nghệ và các Khoa, Ban tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện, dự kiến vào tháng 6/2023, nghiệm thu đề tài vào tháng 12/2023.

**Điều 3.** Các Phòng Khoa học và Công nghệ, Tài vụ; các Khoa, Ban; các cá nhân được giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nói trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Website: <http://khcn.huce.edu.vn>;
- Lưu: VT, KHCN.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Hoàng Giang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

DANH SÁCH ĐỀ TÀI  
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023

(Theo Quyết định số: 96/QĐ-ĐHXDHN ngày 13/01/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHXDHN)

| TT  | Khoa                                        | Số đề tài  |
|-----|---------------------------------------------|------------|
| 1.  | Khoa Kiến trúc và Quy hoạch                 | 32         |
| 2.  | Khoa Cầu đường                              | 25         |
| 3.  | Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp       | 37         |
| 4.  | Khoa Kỹ thuật môi trường                    | 27         |
| 5.  | Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng            | 33         |
| 6.  | Khoa Vật liệu Xây dựng                      | 18         |
| 7.  | Khoa Cơ khí                                 | 15         |
| 8.  | Khoa Công trình thủy                        | 30         |
| 9.  | Khoa Công trình Biển và Dầu khí             | 06         |
| 10. | Khoa Công nghệ Thông tin                    | 06         |
| 11. | Ban Quản lý và Đào tạo kỹ sư chất lượng cao | 22         |
|     | <b>Tổng cộng</b>                            | <b>251</b> |

8

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**

(Theo quyết định số: 96/QĐ-ĐHXDHN ngày 13/1/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**KHOA KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH**

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                         | Sinh viên thực hiện                                                                            | Lớp                                                | Giáo viên hướng dẫn                           |
|----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1. | KD-2023-01 | Cải tạo mặt đứng của các khu tập thể trên địa bàn Hà Nội theo hướng xanh hóa                                                       | Trần Gia Minh<br>Hoàng Quốc Ân<br>Nguyễn Quang Huy<br>Nguyễn Duy Lộc                           | 66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDNTC           | ThS. Doãn Thế Trung<br>PGS. Nguyễn Quang Minh |
| 2. | KD-2023-02 | Tổ chức không gian mặt nước làng ven đô. Áp dụng cho làng Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội                                                | Bùi Minh Hiếu<br>Đặng Phương Hoa<br>Nguyễn Hoàng<br>Nguyễn Thị Mai Anh                         | 64KD5<br>64KD4<br>64KD3<br>64KDEC                  | ThS. Doãn Thế Trung                           |
| 3. | KD-2023-03 | Thân thiện hóa kiến trúc ngăn cản trong không gian công cộng đô thị Việt Nam                                                       | Trần Duy Tân<br>Phạm Quang Nhật<br>Nguyễn Duy Nam<br>Lại Tuấn Hải<br>Nguyễn Văn Nhâm           | 64KDEC<br>64KDEC<br>64KDEC<br>64KDEC<br>65KDNTC    | TS. Trần Minh Tùng<br>ThS. Phạm Thị Mỹ Lan    |
| 4. | KD-2023-04 | Tối ưu hóa không gian nhà ở đô thị thông qua Thiết kế đồ nội thất                                                                  | Vũ Tiến Duy<br>Nguyễn Hoài Anh<br>Trần Đức Thịnh<br>Trần Hữu Đức                               | 66KD2<br>66KD1<br>66KD2<br>66KD4                   | TS. Trần Minh Tùng<br>Ths. Nguyễn Thùy Dương  |
| 5. | KD-2023-05 | Nghiên cứu tổ chức không gian giao thông tiếp cận lõi phố cổ ở Hà Nội góp phần cải thiện đời sống dân cư                           | Lương Xuân Đại<br>Nguyễn Thị Duyên<br>Nguyễn Xuân Thái<br>Nguyễn Ngọc Chung<br>Nguyễn Đình Văn | 66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDCQC<br>66KDNTC<br>66KDNC | ThS. Trần Quốc Việt                           |
| 6. | KD-2023-06 | Thiết kế trường học tiếp cận người khuyết tật                                                                                      | Hoàng Yến Nhi<br>Lê Ánh Tâm<br>Đỗ Thu Hương                                                    | 65KDNTC<br>64KDNTC<br>64KDNTC                      | TS. Nguyễn Việt Huy                           |
| 7. | KD-2023-07 | Nghiên cứu không gian công cộng phi chính thức tại quận Cầu Giấy, Hà Nội                                                           | Trịnh Thị Quỳnh Nga<br>Phạm Bích Ngọc<br>Trần Thu Hà<br>Lê Minh Khánh<br>Phạm Nguyễn Xuân Hùng | 66KD1<br>66KD2<br>66KDNTC<br>66QHC<br>66KD4        | TS. Lê Nam Phong<br>ThS. Đào Quỳnh Anh        |
| 8. | KD-2023-08 | So sánh tổ chức kiến trúc cảnh quan khu trung tâm phường (hiện đại) và trung tâm làng (truyền thống) tại quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | Nguyễn Văn Đức<br>Nguyễn Gia Hưng<br>Nguyễn Văn Tiến                                           | 65KDF<br>65KDF<br>65KDF                            | TS. Lê Nam Phong<br>ThS. Đào Quỳnh Anh        |
| 9. | KD-2023-09 | Thông minh hóa đồ nội thất căn hộ chung cư                                                                                         | Lê Ánh Tâm<br>Lại Lý Kha<br>Vũ Minh Ngọc                                                       | 64KDNTC<br>64KDNTC<br>64KDNTC                      | Ths. Ngô Thị Hà Thanh<br>TS. Trần Minh Tùng   |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                   | Sinh viên thực hiện                                                                            | Lớp                                                 | Giáo viên hướng dẫn                      |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 10. | KD-2023-10 | Xu hướng sống nhỏ gọn và mô hình nhà ở mini cho giới trẻ                                                                                     | Bùi Duy Anh<br>Nguyễn Quang Anh<br>Lê Đình Kiên<br>Trần Thanh Hằng<br>Vũ Tuấn Hải              | 66KDFC<br>66KDFC<br>66KDFC<br>66KDFC<br>66KDFC      | ThS. Phan Tiến Hậu<br>TS. Trần Minh Tùng |
| 11. | KD-2023-11 | Không gian sáng tạo cho giới trẻ khu vực ven sông Hồng thành phố Hà Nội. Địa điểm nghiên cứu: bãi giữa sông Hồng                             | Tô Huy Trường<br>Phạm Thị Thu Huyền<br>Nguyễn Thị Thùy Linh<br>Nguyễn Tiến Mạnh<br>Nông Thị Mỹ | 64KD5<br>64KD3<br>64KD3<br>64KD3<br>64KD3           | ThS. Phan Tiến Hậu                       |
| 12. | KD-2023-12 | Công trình công cộng làng ven đô dưới tác động đô thị hóa                                                                                    | Trần Minh Tiến<br>Nguyễn Lê Ngọc Hà<br>Huỳnh Đức Thắng<br>Nguyễn Thị Nhâm<br>Lăng Ngọc Hà      | 65KDNTC<br>65KDNTC<br>65KDNTC<br>65KDNTC<br>65KDNTC | Ths. Trần Tuấn Anh                       |
| 13. | KD-2023-13 | Không gian học tập và sinh hoạt cho trẻ tự kỷ tại các trung tâm giáo dục và hướng nghiệp                                                     | Vương Thái Hà<br>Nguyễn Tất Nam<br>Nguyễn Châu Anh<br>Lê Văn Bắc<br>Nguyễn Thị Thu Phương      | 66KDFC<br>66KDFC<br>66KDFC<br>66KDFC<br>66KDFC      | Ths. Đặng Việt Long                      |
| 14. | KD-2023-14 | Không gian công cộng và sự tham gia của cộng đồng trong những làng ven đô. Nghiên cứu trường hợp làng Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội              | Đoàn Duy Thái<br>Lê Sinh Hùng<br>Nguyễn Văn Hường<br>Mai Xuân Hiếu                             | 66KDCQC<br>65QHC<br>65QHC<br>65KD1                  | Ths. Nguyễn Việt Tùng                    |
| 15. | KD-2023-15 | Thiết kế nội thất thông minh cho căn hộ Mini Studio                                                                                          | Vũ Thị Hằng Nga<br>Lê Hoàng Bách<br>Nguyễn Tấn Dũng<br>Nguyễn An Quang Minh                    | 64XD7<br>64XE1<br>64XE1<br>64XE1                    | ThS. Nguyễn Hoàng Hiệp                   |
| 16. | KD-2023-16 | Các công trình kính trong đô thị                                                                                                             | Nguyễn Thị Phương Thảo                                                                         | 66KDFC                                              | ThS. Nguyễn Hoàng Hiệp                   |
| 17. | KD-2023-17 | Sự biến đổi của kiến trúc nhà ở nông thôn ven đô qua việc khảo sát và nghiên cứu tại làng Lại Yên                                            | Nguyễn Thúy Ngân                                                                               | 66KD                                                | ThS. Nguyễn Minh Việt                    |
| 18. | KD-2023-18 | Tổ chức không gian nhà văn hóa, thức đẩy phát triển đời sống văn hóa khu dân cư. Địa điểm nghiên cứu xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Hà Nội | Nguyễn Quốc Dũng<br>Nguyễn Việt Dũng<br>Nguyễn Việt Hoàng<br>Cù Đình Trung                     | 64KD3<br>64KD3<br>64KD3<br>64KD3                    | Ths. Nguyễn Thị Vân Hương                |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                           | Sinh viên thực hiện                                                                             | Lớp                                                 | Giáo viên hướng dẫn                         |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 19. | KD-2023-19 | Nghiên cứu mô hình kiến trúc nhà ở cho dân tộc Tày tại làng đá cổ Khuổi Ky và Nà Vĩ - Cao Bằng nhằm thích ứng theo nhu cầu mới và khí hậu địa phương | Nguyễn Thị Hương<br>Nguyễn Mỹ Hạnh<br>Nguyễn Tiến Mạnh<br>Trần Hữu Trí<br>Trương Việt Thái      | 64KDNC<br>64KDNC<br>64KDNC<br>64KDNC<br>64KDNC      | ThS. Nguyễn Thùy Trang<br>TS. Đỗ Thành Cong |
| 20. | KD-2023-20 | Tổ chức không gian ngõ phố cổ Hà Nội phát triển dịch vụ du lịch. Áp dụng cho ngõ Phất Lộc, phường Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       | Phạm Thanh Hiền<br>Đỗ Thị Phương Anh<br>Bùi Văn Ngọc<br>Trịnh Minh Quân<br>Nguyễn Thị Thanh Vân | 64KD3<br>64KD3<br>64KD3<br>64KD3<br>64KD3           | Ths. Nguyễn Công Thiện                      |
| 21. | KD-2023-21 | Tổ chức khuôn viên nhà ở truyền thống làng ven đô phát triển du lịch trải nghiệm. Áp dụng cho làng cổ Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội                     | Phạm Quốc Việt<br>Nguyễn Thị Minh Anh<br>Đỗ Phúc An<br>Lê Ngọc Tú                               | 66KDNC<br>66QHC<br>66KDNC<br>66KDNC                 | Ths. Nguyễn Công Thiện                      |
| 22. | KD-2023-22 | Sử dụng ánh sáng trong nội thất                                                                                                                      | Cao Thị Thùy Linh<br>Hoàng Thị Khánh Linh<br>Đặng Đức Lượng<br>Trịnh Thu Hằng<br>Lê Thị Lan Anh | 66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDNTC | TS. Phạm Tú Ngọc                            |
| 23. | KD-2023-23 | Đề xuất giải pháp thiết kế thông tầng nhằm nâng cao hiệu quả chiếu sáng tự nhiên trong nhà lô phố ở Hà Nội                                           | Trần Mai Kim Ngân<br>Đỗ Nhật Khánh<br>Vũ Nam Khánh                                              | 65KDNTC<br>65KDNTC<br>67KDNTC                       | ThS. Dương An Hà                            |
| 24. | KD-2023-24 | Sử dụng vật liệu truyền thống theo hướng mới                                                                                                         | Đỗ Văn Trung Quân<br>Nguyễn Đức Tâm<br>Chu Thành Nam<br>Vũ Đình Hoàng Phúc                      | 66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDNTC            | ThS. Đỗ Thu Thủy                            |
| 25. | KD-2023-25 | Nghiên cứu ứng dụng vật liệu gốm vào không gian nội thất nhà lô phố trong tại thành phố Hà Nội                                                       | Lương Trần Hưng<br>Nguyễn Thùy Dương<br>Đỗ Thị Hồng Ngọc<br>Trần Gia Minh<br>Phạm Thị Mai       | 66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDNTC<br>66KDNTC | ThS. Đỗ Thu Thủy<br>ThS. Dương An Hà        |
| 26. | KD-2023-26 | Nghiên cứu sự phát triển không gian hệ thống các cửa hàng tiện lợi 24/7 tại Hà Nội                                                                   | Lê Văn Anh<br>Phạm Đăng Long<br>Phạm Diễm Quỳnh<br>Ngô Đức Thảo<br>Nguyễn Lê Vy                 | 65KD1<br>65KD1<br>65KD1<br>65KD1<br>65KD1           | ThS. Ngô Việt Anh                           |
| 27. | KD-2023-27 | Ứng dụng mô hình Glamping vào phát triển du lịch bền vững tại khu vực ngoại thành Hà Nội                                                             | Phạm Hồng Nhung<br>Nguyễn Nam Hải<br>Nguyễn Tiến Minh<br>Trần Bình An<br>Nguyễn Doãn Tuấn       | 65KD2<br>65KD2<br>65KD5<br>64KD5<br>64KD5           | ThS. Ngô Việt Anh                           |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                   | Sinh viên thực hiện                                                                        | Lớp                                                 | Giáo viên hướng dẫn                           |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 28. | KD-2023-28 | Đề xuất định hướng nghiên cứu quy hoạch cải tạo nhà ở vùng ven đô, thí điểm tại làng Bô Vi, thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình                 | Nguyễn Thị Thùy Dung<br>Nguyễn Xuân An<br>Đinh Hương Quỳnh                                 | 64KD1<br>64KD1<br>64KD1                             | ThS. Nguyễn Duy Thanh<br>ThS. Đào Hải Nam     |
| 29. | KD-2023-29 | Nghiên cứu giải pháp cải tạo cảnh quan điểm thu gom rác thải sinh hoạt khu vực quận Hoàn Kiếm. Áp dụng cho tuyến phố Cầu Gỗ                                  | Nguyễn Văn Quý<br>Đinh Khắc An<br>Nguyễn Văn Sơn<br>Phạm Tuấn Anh<br>Lương Hữu An          | 66KDCQC<br>66KDCQC<br>66KDCQC<br>66KDCQC<br>66KDCQC | ThS. Doãn Minh Thu                            |
| 30. | KD-2023-30 | Nghiên cứu tổ chức không gian công cộng trong khuôn viên Trường Đại học Xây dựng Hà Nội thúc đẩy hoạt động học tập sáng tạo của sinh viên.                   | Vũ Tuấn Linh<br>Nguyễn Tuấn Hùng<br>Thái Thị Thương<br>Nguyễn Kim Cúc<br>Nguyễn Thị Thương | 66KDCQC<br>66KDCQC<br>66KDCQC<br>66KDCQC<br>66KDCQC | ThS. Trinh Anh Tuấn                           |
| 31. | KD-2023-31 | Nghiên cứu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan khu dân cư ven biển Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình theo hướng giảm nhẹ rủi ro thiên tai và sinh kế bền vững | Chu Xuân Phát<br>Nguyễn Sỹ Khái<br>Trần Đức Nguyên<br>Lê Ngọc Tân<br>Vũ Thế Toàn           | 65KDEC<br>65KDEC<br>65KDEC<br>65KDEC<br>65KDEC      | ThS.KTS Đào Hải Nam<br>ThS.KTS Trần Quốc Thái |
| 32. | KD-2023-32 | Nghiên cứu giải pháp thiết kế Không gian sáng tạo tại các Khu tập thể cũ tại Hà Nội, nghiên cứu thí điểm Khu tập thể Kim Liên                                | Nguyễn Thu Trang<br>Phạm Khánh Hoàn<br>Vũ Khánh Linh<br>Đào Văn Trang                      | 65KDEC<br>65KDEC<br>65KDEC<br>65KDEC                | ThS.KTS Đào Hải Nam<br>ThS.KT Dương Quỳnh Nga |

(Danh mục gồm 32 đề tài)



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**

(Theo quyết định số: 96/QĐ-ĐHXDHN ngày 13/1/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**KHOA XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG**

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                          | Sinh viên thực hiện                                                                      | Lớp                                       | Giáo viên hướng dẫn                          |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1.  | CĐ-2023-01 | Đề xuất cải thiện thuật toán Clarke and Wright cho bài toán định tuyến xe                                                           | Nguyễn Minh Quân<br>Phạm Quốc Cường<br>Đỗ Văn Long                                       | 66CDE<br>65XDC2<br>64CD1                  | TS Vũ Minh Tâm                               |
| 2.  | CĐ-2023-02 | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ IoT (Internet of Things) trong cảnh báo ngập và điều hướng phương tiện khi có ngập lụt trên đường phố | Trần Ngọc Long<br>Nguyễn Mạnh Ánh<br>Lê Công Hùng<br>Lâm Quang Minh                      | 64CD2<br>64CD2<br>64CD2<br>64CD2          | TS Nguyễn Đức Nghiêm                         |
| 3.  | CĐ-2023-03 | Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến tai nạn giao thông giữa xe tải và xe máy trên một số tuyến đường trục chính.                  | Trịnh Văn Hùng<br>Vũ Minh Hiếu<br>Nguyễn Trung Kiên<br>Bùi Đức Minh                      | 64CD2<br>64CD2<br>64CD2<br>64CD2          | TS. Đỗ Duy Đình<br>ThS. Nguyễn Văn Hùng      |
| 4.  | CĐ-2023-04 | Nghiên cứu đánh giá cường độ của kết cấu mặt đường BTN theo 22TCN335-06 và phần mềm Primax                                          | Nguyễn Minh Vương<br>Trần Trung Kiên<br>Nguyễn Gia Lượng<br>Nguyễn Anh Tuấn              | 64CD2<br>64CD2<br>64CD2<br>64CD2          | ThS. Lê Hoàng Sơn                            |
| 5.  | CĐ-2023-05 | Nghiên cứu các phương pháp tính toán xử lý nền đất yếu bằng bắc thăm                                                                | Vũ Minh Hiếu<br>Lê Đức Hải<br>Đoàn Xuân Hòa<br>Đương Thu Hà                              | 64XE1<br>65XE1<br>65CD3<br>65XD3          | TS. Phạm Thế Anh                             |
| 6.  | CĐ-2023-06 | Nghiên cứu các phương pháp tính toán vỏ hầm metro và biến dạng đất nền                                                              | Nguyễn Tuấn Khuê<br>Đặng Thị Thanh Loan<br>Nguyễn Văn Quyết                              | 64XE1<br>64XDC1<br>65CD1                  | TS. Phạm Thế Anh                             |
| 7.  | CĐ-2023-07 | Nghiên cứu gia cố mái dốc bằng đinh đất                                                                                             | Dương Xuân Hoàng<br>Trương Minh Trọng                                                    | 64XE1<br>65CD4                            | TS. Phạm Thế Anh                             |
| 8.  | CĐ-2023-08 | Nghiên cứu thiết kế chế tạo mô hình xe đo dao động công trình cầu                                                                   | Nguyễn Văn Thìn<br>Phan Tất Bảo<br>Hoàng Tuấn Anh<br>Nguyễn Văn Cường<br>Trịnh Minh Hiền | 64CD3<br>64CD3<br>64CD3<br>64CD3<br>64CD3 | TS. Nguyễn Hương Dương                       |
| 9.  | CĐ-2023-09 | Nghiên cứu ứng dụng mô MSE cho công trình cầu                                                                                       | Trần Văn Triển<br>Nguyễn Huy Hoàng                                                       | 64CD4<br>64CD4                            | PGS. TS. Khúc Đăng Tùng<br>TS. Phạm Việt Anh |
| 10. | CĐ-2023-10 | Nghiên cứu ứng dụng bê tông ứng suất trước trong sửa chữa và xây mới mặt đường cứng sân bay                                         | Kim Thị Hậu<br>Bùi Quang Huy<br>Tăng Tiến Mạnh                                           | 64CD4<br>64CD1<br>64CD1                   | PGS. TS. Khúc Đăng Tùng                      |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                             | Sinh viên thực hiện                                                                              | Lớp                                        | Giáo viên hướng dẫn                                   |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 11. | CĐ-2023-11 | Nghiên cứu ứng xử của bu lông neo liên kết trong kết cấu liên hợp dầm thép và bản mặt cầu HPC dạng sườn mỏng (Nội dung trong đề tài nghiên cứu cấp Bộ) | Bùi Quốc Bảo<br>Hà Quang Đạt                                                                     | 63CDE<br>63CDE                             | PGS. TS. Khúc Đăng Tùng<br>TS. Lê Bá Danh             |
| 12. | CĐ-2023-12 | Nghiên cứu ứng xử bản mặt cầu HPC dạng sườn mỏng dưới tải trọng bánh xe HL-93 (Nội dung trong đề tài nghiên cứu cấp Bộ)                                | Phạm Huyền Trang<br>Nguyễn Việt Hoàng<br>Nguyễn Giang Sơn<br>Phạm Ngọc Tuyên                     | 64CDE<br>64CDE<br>64CDE<br>64CDE           | TS. Nguyễn Thị Nguyệt Hằng<br>TS. Nguyễn Công Thắng   |
| 13. | CĐ-2023-13 | Nghiên cứu ứng xử của mối nối kết cấu bê tông/HPC chịu uốn sử dụng vật liệu UHPC (Nội dung trong đề tài nghiên cứu cấp Bộ)                             | Lan Sonn<br>Say Channra<br>Hoeung Kunthea                                                        | 64CD4<br>64CD4<br>64CD4                    | TS. Nguyễn Thị Nguyệt Hằng<br>PGS. TS. Khúc Đăng Tùng |
| 14. | CĐ-2023-14 | Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực tế nhu cầu, thói quen và hành vi sử dụng Metro của hành khách tuyến Cát Linh - Hà Đông                             | Nguyễn Công Long<br>Đinh Bá Bằng<br>Hà Quang Đạt<br>Nguyễn Đào Long<br>Phạm Hồng Tiến            | 63CDE<br>63CDE<br>63CDE<br>63CDE<br>63CDE  | TS. Đoàn Tùng                                         |
| 15. | CĐ-2023-15 | Nghiên cứu sức chịu tải của cọc trên nền đá (sức chịu tải đứng, sức chịu tải ngang)                                                                    | Nguyễn Thị Thu Thảo<br>Nguyễn Thị Kim Tho<br>Nguyễn Thị Hòa<br>Giang Thị Thu Hà<br>Đàm Mạnh Dũng | 65KT8<br>65KT8<br>65KT8<br>64KT1<br>65XD12 | TS. Lê Thiết Trung<br>TS. Phạm Việt Anh               |
| 16. | CĐ-2023-16 | Nghiên cứu ứng dụng địa nhiệt trong điều kiện ở Việt Nam                                                                                               | Từ Thị Minh Huyền<br>Nguyễn Thị Hồng Huệ                                                         | 64KT4<br>64KT7                             | TS. Phạm Việt Anh                                     |
| 17. | CĐ-2023-17 | Suất đầu tư tường chắn BTCT, tường chắn đá hộp                                                                                                         | Quách Thị Thảo<br>Lê Đức Anh<br>Vũ Thu Thảo<br>Nguyễn Thị Thảo                                   | 65KT8<br>65KT8<br>65KT8<br>65KT8           | TS. Phạm Việt Anh<br>TS. Nguyễn Đức Mạnh              |
| 18. | CĐ-2023-18 | Nghiên cứu tính khả thi ứng dụng vật liệu rỗng siêu nhẹ quản lý nguồn nước trong các đô thị ở Việt Nam (Biện pháp thi công, Chi phí đầu tư)            | Phạm Thị Tú Linh<br>Lê Thị Phương<br>Nguyễn Đức Nam                                              | 64KT3<br>64KT3<br>64KT8                    | TS. Lê Thiết Trung<br>TS. Phạm Việt Anh               |
| 19. | CĐ-2023-19 | Nghiên cứu sức chịu tải của nền đất dưới mũi nhóm cọc                                                                                                  | Ngô Đức Mạnh<br>Vũ Văn Báu<br>Phạm Văn Hiệu                                                      | 65CD2<br>65CD2<br>65CD2                    | Ths. Vũ Thanh Hải<br>PGS. TS. Nguyễn Bảo Việt         |
| 20. | CĐ-2023-20 | Nghiên cứu lựa chọn bề dày móng BTCT – móng nông                                                                                                       | Bùi Văn Thương<br>Nguyễn Nhật Tiến<br>Trần Thế Đông<br>Phạm Thế Văn                              | 64XD6<br>64XD6<br>64XD6<br>64KT5           | Ths. Phan Trọng Khanh<br>PGS. TS. Nguyễn Bảo Việt     |
| 21. | CĐ-2023-21 | Nghiên cứu xây dựng chương trình xác định và hiển thị thừa đất trên Google Earth                                                                       | Ngô Hoàng Lân<br>Nguyễn Đăng Trung<br>Nguyễn Ngọc Toàn<br>Tạ Việt Hoàng                          | 66CDQ<br>66CDQ<br>66CDQ<br>66CDQ           | TS. Trần Đình Trọng<br>Ths. Nguyễn Đình Huy           |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                     | Sinh viên thực hiện                                                   | Lớp                              | Giáo viên hướng dẫn                        |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------|
| 22. | CĐ-2023-22 | Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý phục vụ tra cứu thông tin quy hoạch hạ tầng đô thị                | Hoàng Thị Thùy<br>Nguyễn Bình Long<br>Trương Trí Thành<br>Vũ Ngọc Hải | 66CDQ<br>66CDQ<br>66CDQ<br>66CDQ | TS. Trần Đình Trọng<br>Ths. Hà Trung Khiên |
| 23. | CĐ-2023-23 | Nghiên cứu móng Suction pile cho điện gió ngoài khơi ở Việt Nam                                                | Nguyễn Thị Minh Ánh<br>Đoàn Mạnh Quân                                 | 64KT8<br>67KT4                   | Ths. Lê Thị Ngọc Hà<br>TS. Phạm Việt Anh   |
| 24. | CĐ-2023-24 | Nghiên cứu giải pháp công nghệ phòng ngừa trượt sâu mái dốc do tác động của mưa và hoạt động của mực nước ngầm | Phan Trọng Toàn<br>Hà Công Sơn<br>Phan Thị Lan                        | 64XD4<br>64XD4<br>64KT3          | TS. Nguyễn Thanh Sơn                       |
| 25. | CĐ-2023-25 | Đánh giá khảo sát sức khỏe của công trình cầu dựa vào số liệu đo dao động                                      | Nguyễn Phạm Doanh<br>Nguyễn Thị Ngọc Hân                              | 64CD1<br>64CD3                   | TS. Nguyễn Hương Dương                     |

(Danh mục gồm 25 đề tài)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**

(Theo quyết định số: 96/QĐ-ĐHXDHN ngày 13/1/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**KHOA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                         | Sinh viên thực hiện                                                                             | Lớp                                                | Giáo viên hướng dẫn       |
|----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------|
| 1. | XD-2023-01 | Phân tích tính đầm bằng vật liệu xốp đặt trên nền đàn hồi                                                                          | Phạm Trọng Khôi<br>Vũ Minh Ngọc<br>Nguyễn Thế An<br>Nguyễn Hữu Bằng<br>Đỗ Trọng Thắng           | 65XD13<br>65XF<br>65XD13<br>65XF<br>65XF           | TS. Vũ Văn Thâm           |
| 2. | XD-2023-02 | Nghiên cứu tính năng của máy thí nghiệm đa năng trong instron 5985 và ứng dụng trong quy trình thí nghiệm đầm uốn 3 điểm           | Nguyễn Đăng Duy<br>Trần Mạnh Dũng<br>Vương Chí Thành<br>Khuất Văn Toán<br>Nguyễn Đức Thịnh      | 64XE2<br>64XE2<br>64XE2<br>64XE2<br>64XE2<br>64XE2 | TS. Nguyễn Tất Thắng      |
| 3. | XD-2023-03 | Nghiên cứu sự làm việc của bản sàn hai lớp bằng vật liệu bê tông nhẹ sử dụng hạt vi cầu rỗng từ tro bay kết hợp với bê tông thường | Đinh Ngọc Khánh<br>Trần Đức Hữu<br>Hoàng Quốc Anh<br>Nhor Sovandara<br>Hoàng Hồng Sơn           | 64XE2<br>64XE2<br>64XE2<br>64XE2<br>64XE2<br>64XE2 | PGS.TS. Nguyễn Hùng Phong |
| 4. | XD-2023-04 | Nghiên cứu tính toán sàn bê tông ứng lực trước                                                                                     | Nguyễn Trọng Tạo<br>Nguyễn Thế Anh<br>Võ Thành Huy<br>Vương Thế Hưng                            | 64XD4<br>64XD4<br>64XD11<br>64XD11                 | TS. Phan Minh Tuấn        |
| 5. | XD-2023-05 | Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của hàm lượng cốt sợi đến các đặc trưng cơ học của vật liệu bê tông cốt sợi polypropylene         | Giang Thị Thu Hà<br>Nguyễn Đình Duy<br>Nguyễn Đình Đức<br>Phan Bá Huỳnh<br>Phạm Ngọc Tiến Thành | 64KT1<br>64XE2<br>64XD4<br>64XD1<br>64XD4          | ThS. Lê Phước Lành        |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                | Sinh viên thực hiện                                                                              | Lớp                                        | Giáo viên hướng dẫn                                |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 6.  | XD-2023-06 | Nghiên cứu thực nghiệm ứng xử của dầm bê tông cốt thanh polymer GFRP được gia cường kháng uốn và kháng cắt bằng tấm sợi composite CFRP    | Vương Văn Dương<br>Nguyễn Công Ngọc<br>Đặng Thanh Nghị<br>Bùi Trương Thế Quốc<br>Chung Minh Long | 64XD5<br>64XD6<br>64XD12<br>64XD5<br>64XD6 | TS. Nguyễn Mạnh Hùng;<br>PGS.TS. Nguyễn Trung Hiếu |
| 7.  | XD-2023-07 | Khảo sát một số tham số ảnh hưởng đến khả năng chịu lực của dầm bê tông ứng lực trước.                                                    | Nguyễn Công Ngọc<br>Phạm Văn Trịnh<br>Chung Minh Long<br>Lê Quyết Thắng<br>Bùi Văn Thương        | 64XD6<br>64TH2<br>64XD6<br>64XD6<br>64XD6  | TS. Nguyễn Mạnh Hùng;<br>PGS.TS. Nguyễn Trung Hiếu |
| 8.  | XD-2023-08 | Nghiên cứu biện pháp thi công kết cấu ban công có kiến trúc đặc biệt trong nhà cao tầng.                                                  | Chu Quang Linh<br>Nguyễn Doãn Đạt<br>Bùi Thanh Tùng<br>Hoàng Kỳ Anh<br>Nguyễn Văn Lộc            | 64XD6<br>64XD6<br>64XD6<br>64XD6<br>64XD6  | PGS. TS. Nguyễn Mạnh Tuấn                          |
| 9.  | XD-2023-09 | Nghiên cứu phương pháp điều khiển dao động công trình xây dựng                                                                            | Lê Văn Toàn<br>Nguyễn Chí Thắng<br>Lê Văn Đại                                                    | 65XE1<br>65XE1<br>65XE2                    | TS. Nguyễn Sỹ Nam                                  |
| 10. | XD-2023-10 | Nghiên cứu biến dạng co ngót và thời điểm xuất hiện vết nứt do co ngót bằng phương pháp vòng kiểm chế ( Ring test) của bê tông Geopolymer | Lục Đức Tiến<br>Trần Minh Quân<br>Nguyễn Tiến Dũng<br>Phạm Huy Tùng                              | 65XE1<br>65XE1<br>65XE1<br>65XE1           | PGS. TS. Phạm Thanh Tùng                           |
| 11. | XD-2023-11 | Nghiên cứu các phương pháp tính toán sàn sườn bê tông cốt thép toàn khối                                                                  | Lương Khắc Dương<br>Chu Văn Toàn<br>Trần Quang Phúc<br>Lê Thị Thoa                               | 65XD3<br>65XD3<br>65XD3<br>65XD3           | TS. Võ Mạnh Tùng                                   |
| 12. | XD-2023-12 | Nghiên cứu chế tạo bê tông có độ chảy cao từ cốt liệu bê tông tái chế.                                                                    | Nguyễn Minh Hoàng<br>Vũ Trí Nghiệp<br>Đinh Tuấn Nghĩa<br>Nguyễn Khánh Thuật                      | 64XF<br>64XF<br>64XF<br>64XF               | ThS. Vũ Phương Lê<br>PGS.TS Nguyễn Ngọc Lâm        |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                   | Sinh viên thực hiện                                                                                  | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn         |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------|
| 13. | XD-2023-13 | Sức chịu tải của cọc                                                                                                                         | Phùng Quang Thọ<br>Hoàng Đại Nghĩa<br>Nguyễn Đăng Nhật Minh<br>Đỗ Minh Tuyên                         | 64XD8<br>64XD8<br>64XD4<br>64XD4               | PGS. TS.<br>Nguyễn Bảo Việt |
| 14. | XD-2023-14 | Nghiên cứu công nghệ thi công mới nổi trong thi công bê tông cốt thép lắp ghép                                                               | Nguyễn Trần Cường<br>Phạm Đức Bảo<br>Đoàn Huỳnh Đức<br>Nguyễn Thị Hồng Nhung                         | 64XD9<br>64XD9<br>64XD10<br>64XD10             | TS. Lê Quang Trung          |
| 15. | XD-2023-15 | Mô phỏng ứng xử cắt của dầm bê tông cốt thép được gia cường bằng tấm FRP                                                                     | Phạm Thị Nhung<br>Nguyễn Khắc Anh Vũ<br>Trần Nguyễn Thanh Tùng<br>Đặng Xuân Nhân<br>Nguyễn Xuân Tùng | 65XD7<br>65XD12<br>65XD1<br>65XD7<br>65XD11    | TS. Nguyễn Ngọc Tân         |
| 16. | XD-2023-16 | Nghiên cứu bảo dưỡng bê tông tự lên bằng hợp chất bảo dưỡng sika antisol                                                                     | Bùi Trung Đức<br>Mai Tuấn Khoa<br>Đặng Tấn Tài<br>Phạm Thiện Phi<br>Đặng Thành Giang                 | 64XD7<br>64XD7<br>64XD7<br>65XE2<br>63XD3      | TS. Nguyễn Hùng Cường       |
| 17. | XD-2023-17 | Khảo sát và đánh giá dạng kết cấu hợp lý chịu tải trọng động đất trong nhà nhiều tầng bê tông cốt thép                                       | Đỗ Thế Trung<br>Trần Quang Huy<br>Nguyễn Tấn Dũng<br>Nguyễn Thái Bằng<br>Trương Trung Hiếu           | 64XE1<br>64XE1<br>64XE1<br>64XE1<br>64XE1      | PGS.TS. Phạm Thái Hoàn      |
| 18. | XD-2023-18 | Nghiên cứu khảo sát thực trạng năng lực trình độ và nhu cầu kiến thức đào tạo bồi dưỡng của nhân viên phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng | Nguyễn Quang Huy<br>Hoàng Đình Quý<br>Phạm Đình Dũng<br>Trần Văn Hiếu<br>Đỗ Thị Kim Thoa             | 66XDC1<br>66XDC1<br>66XDC1<br>66XDC1<br>66XDC1 | TS. Tống Tôn Kiên           |
| 19. | XD-2023-19 | Tính toán dầm thép dầm BTCT bằng tiếp cận năng lượng                                                                                         | Ngô Thành Long<br>Đào Quyết Đạt<br>Nguyễn Đức Huy<br>Nguyễn Thành Luân<br>Đỗ Tuấn Anh                | 65XF<br>65XF<br>65XF<br>65XF<br>65XF           | TS. Đặng Xuân Hùng          |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                                         | Sinh viên thực hiện                                                                                   | Lớp                                                | Giáo viên hướng dẫn                                |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 20. | XD-2023-20 | Tính toán bình chứa mỏng, chịu áp suất cao bằng phương pháp giải tích và mô phỏng số                                                                                               | Nguyễn Duy Anh<br>Phạm Thu Trang<br>Trần Hữu Trọng<br>Luu Tuấn Vũ<br>Hoàng Phú Cường                  | 66XD10<br>66XD10<br>66XD10<br>66XD10<br>66XD10     | TS. Nguyễn Tất Thắng                               |
| 21. | XD-2023-21 | So sánh ứng xử của khung bê tông cốt thép chịu tải trọng động đất bằng phương pháp tĩnh lực ngang tương đương qua hai tiêu chuẩn châu Âu Eurocode 8 và tiêu chuẩn Hoa Kỳ ASCE 7-22 | Lê Thùy Hương<br>Phạm Thảo Nhi<br>Nguyễn Văn Đại                                                      | 65XE2<br>65XE2<br>65XE2                            | ThS. Võ Minh Quang;<br>TS. Võ Mạnh Tùng            |
| 22. | XD-2023-22 | Nghiên cứu chế tạo bê tông tự lên có hàm lượng tro bay cao, thi công các vỉa hè Hà Nội                                                                                             | Lê Thị Hà<br>Lê Ánh Ngọc<br>Nguyễn Thanh Tuyết<br>Nguyễn Đăng Nhật Minh<br>Đặng Thanh Giang           | 64XD8<br>64XD8<br>64XD8<br>64XD8<br>64XD8          | TS. Nguyễn Hùng Cường                              |
| 23. | XD-2023-23 | Nghiên cứu mô hình tính toán lý thuyết khả năng chịu lực của dầm bê tông cốt thép sử dụng bê tông cốt sợi Polypropylene                                                            | Nguyễn Minh Đức<br>Vũ Văn Gia Bách<br>Nguyễn Diệu Linh<br>Phạm Hồng Ngọc<br>Vũ Nguyễn Hải Sơn         | 65XE3<br>65XE2<br>65KTE<br>65KTE<br>65XE2          | PGS.TS Nguyễn Trường Thắng;<br>ThS. Lê Phước Lành  |
| 24. | XD-2023-24 | Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của chiều dày lớp gia cường UHPC đến sự làm việc chịu uốn của dầm BTCT                                                                            | Trần Ngọc Minh<br>Trần Thị Hải Yến<br>Lê Quang Dũng<br>Phạm Quang Huy<br>Nguyễn Hoàng Hiệp            | 64XD3<br>64XD3<br>64XD3<br>64XD3<br>64XD3          | ThS. Nguyễn Văn Quang;<br>ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền |
| 25. | XD-2023-25 | Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng cốt sợi đến sự hình thành và phát triển vết nứt của cấu kiện dầm bê tông cốt thép sử dụng bê tông sợi Polypropylene                             | Dương Việt Anh<br>Phùng Thế Đức<br>Vũ Đức Trọng<br>Trần Quang Hân<br>Nguyễn Đình Bảo<br>Hà Thanh Tuấn | 64XD2<br>64XD1<br>64XD2<br>64XD2<br>64XD2<br>64XD1 | ThS. Lê Phước Lành;<br>PGS.TS Nguyễn Trung Hiếu    |
| 26. | XD-2023-26 | Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng cốt sợi đến lực bám dính giữa bê tông cốt sợi Polypropylene                                                                                       | Mai Văn Đàm<br>Vương Minh Dương<br>Đặng Tùng Lâm<br>Lê Tiến Quang Thiều<br>Nguyễn Lam Trường          | 64XD5<br>64XD5<br>64XD5<br>64XD5<br>64XDC2         | ThS. Lê Phước Lành;<br>PGS.TS. Nguyễn Trung Hiếu   |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                      | Sinh viên thực hiện                                                                             | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                  |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 27. | XD-2023-27 | Nghiên cứu tính toán cấu kiện chịu cắt theo tiêu chuẩn Việt Nam và châu Âu                                      | Hoàng Anh Tú<br>Nguyễn Vũ Mạnh Toàn<br>Hoàng Đức Trung<br>Trịnh Bá Minh<br>Nguyễn Văn Sơn       | 65XD1<br>65XD1<br>65XD1<br>65XD7<br>65XD7      | TS.Võ Mạnh Tùng                      |
| 28. | XD-2023-28 | Nghiên cứu thười gian đông kết và đạt cường độ tháo cốp pha của hỗn hợp bê tông tại công trường                 | Lưu Phương Nam<br>Lê Hoài Nam<br>Nguyễn Văn Phòng<br>Đinh Xuân Thảo                             | 64XD5<br>64XD5<br>64XD9<br>64XD5               | ThS. Doãn Hiệu                       |
| 29. | XD-2023-29 | Dự đoán và phân tích kết quả thí nghiệm bằng bàn rung và khung thép 3 tầng bằng phương pháp mô phỏng            | Phùng Thế Đức<br>Ngô Thế Hùng<br>Đặng Hà Quỳnh Anh<br>Hà Thanh Tuấn<br>Trần Đức Hữu             | 64XD1<br>64XD1<br>64XD1<br>64XD1<br>64XE2      | TS.. Phạm Đình Hải                   |
| 30. | XD-2023-30 | Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến dạng cắt ngang lên dao động uốn của dầm bằng vật liệu có hệ số poison âm | Nguyễn Minh Hoàng                                                                               | 63XF                                           | TS. Nguyễn Văn Long                  |
| 31. | XD-2023-31 | Nghiên cứu ảnh hưởng của bộ giảm chấn đầu cáp đến dao động của cabin thang máy                                  | Nguyễn Chí Công<br>Ngô Hải Đức<br>Trương Tuấn Dũng<br>Bùi Hải Đăng<br>Nguyễn Tiến Sơn           | 66XE2<br>66XE2<br>66XE2<br>66XE2<br>66XE2      | ThS. Nguyễn Tiến Đắc                 |
| 32. | XD-2023-32 | Nghiên cứu áp dụng bài toán động lực trong tính toán vận chuyển vật liệu siêu trường siêu trọng                 | Dương Hồng Phúc<br>Nguyễn Lê Quân<br>Nguyễn Đình Trung Anh<br>Phạm Việt Anh<br>Phạm Doãn Duy    | 66XE2<br>66XE2<br>66XE2<br>66XE2<br>66XE2      | ThS. Nguyễn Tiến Đắc                 |
| 33. | XD-2023-33 | Xây dựng mô hình động lực học và phân tích dao động của xe cầu tự hành có kể đến tính đàn hồi của một số khâu.  | Lê Anh Đức<br>Trần Thị Thu Hương<br>Nguyễn Khánh Sơn<br>Phạm Tạ Huy Đông<br>Đặng Quang Minh     | 66XE2<br>66XE2<br>66XE2<br>66XE2<br>66XE2      | ThS. Phạm Hồng Anh                   |
| 34. | XD-2023-34 | Phân tích dao động và giảm dao động cho cầu giản đơn chịu một số tải trọng động                                 | Nguyễn Khắc Phương<br>Nam<br>Vũ Văn Lực<br>Trần Anh Vãn<br>Nguyễn Văn Cường<br>Nguyễn Đức Hoàng | 65CLC2<br>65CLC2<br>65CLC2<br>65CLC2<br>65CLC2 | TS. Nguyễn Sỹ Nam ThS. Phạm Hồng Anh |
| 35. | XD-2023-35 | Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới cường độ bê tông tính năng siêu cao                                          | Hoàng Đức Dương                                                                                 | 66XD8                                          | ThS. Lê Văn Minh                     |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                               | Sinh viên thực hiện                                                 | Lớp                              | Giáo viên hướng dẫn |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------|
| 36. | XD-2023-36 | Phân tích yếu tố ảnh hưởng tới xác suất nứt của kết cấu bê tông toàn khối trong giai đoạn nhiệt thủy hóa | Lê Đình Mạnh                                                        | 65CD1                            | ThS. Lê Văn Minh    |
| 37. | XD-2023-37 | Nghiên cứu ứng dụng in 3D trong xây dựng                                                                 | Nguyễn Tiến Huy<br>Lê Huy Phát<br>Trần Hữu Vượng<br>Đồng Quang Huân | 65XD4<br>65XD4<br>65XD4<br>65XD4 | ThS. Lê Đình Tiến   |

(Danh mục gồm 37 đề tài)



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**  
(Theo quyết định số: 96/QĐ-ĐHXDHN ngày 13/1/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**KHOA KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                   | Sinh viên thực hiện                                                                        | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                            |
|----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1. | MT-2023-01 | Đánh giá hiệu quả các loại thực vật khác nhau đối với bãi lọc trồng cây xử lý bùn hồ đô thị Hà Nội.                                                          | Phạm Đức Trung<br>Vũ Mạnh Dũng<br>Vũ Ngọc Duy<br>Nguyễn Trung Kiên<br>Phạm Nguyễn Tùng Lâm | 64MNE<br>64MNE<br>64MNE<br>64MNE<br>64MNE      | ThS. Trần Thúy Anh                             |
| 2. | MT-2023-02 | Khảo sát và đánh giá tình hình sử dụng năng lượng trong một số chung cư ở Hà Nội.                                                                            | Phạm Xuân Mạnh<br>Nguyễn Văn Đông<br>Nguyễn Thành Đạt                                      | 66HKC3<br>66HKC3<br>66HKC3                     | TS. Phạm Văn Tới                               |
| 3. | MT-2023-03 | Điều tra, khảo sát tình hình sử dụng năng lượng trong các hộ gia đình ở khu vực nông thôn.                                                                   | Nguyễn Hoàng Bảo<br>Vũ Thế Hiển<br>Lương Minh Hiếu<br>Lê Xuân Hòa<br>Đỗ Duy Vũ             | 66HKC3<br>66HKC3<br>66HKC3<br>66HKC3<br>66HKC3 | TS. Phạm Văn Tới                               |
| 4. | MT-2023-04 | Khảo sát hiện trạng sử dụng máy móc thi công xây dựng trong các dự án và tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng phát thải của máy xây dựng trong quá trình hoạt động. | Nguyễn Khả Quang<br>Trương Văn Tú<br>Nguyễn Huy Hoàng<br>Lê Minh Đức<br>Võ Thị Thu Trà     | 64KG<br>64KG<br>65HKC3<br>65HKC3<br>65MTC      | ThS. Đinh Thị Phương Lan,<br>TS. Trần Đức Hiếu |
| 5. | MT-2023-05 | Nghiên cứu chế tạo vật liệu phức hợp nano hydroxit kép phân lớp/than sinh học kỹ thuật để thu hồi phốt pho thông qua quá trình hấp thụ theo mẻ.              | Phạm Nguyệt Hà<br>Nguyễn Mạnh Hiệp<br>Nguyễn Trung Kiên<br>Đào Văn Hoan                    | 64MNE<br>63MNE<br>63MNE<br>60MN1               | TS. Đinh Viết Cường                            |
| 6. | MT-2023-06 | Thu hồi phốt pho trong nước thải sử dụng cột lọc sử dụng vật liệu MgAl/BC: Kiểm soát hiệu quả, tính chọn lọc và ứng dụng trong nông nghiệp.                  | Nguyễn Trung Kiên<br>Vũ Mạnh Dũng<br>Lương Xuân Hòa<br>Cao Tiến Hiệp                       | 63MNE<br>64MNE<br>65MNEC<br>65MNEC             | TS. Đinh Viết Cường                            |
| 7. | MT-2023-07 | Chế tạo vật liệu hydroxit phân lớp kép/cac -bon hoạt tính thu hồi phốt – pho trong nước thải sử dụng công nghệ khử ion điện dung.                            | Vũ Mạnh Dũng<br>Nguyễn Mạnh Hiệp<br>Lương Xuân Hòa                                         | 64MNE<br>63MNE<br>65MNEC                       | TS. Đinh Viết Cường                            |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                                                                        | Sinh viên thực hiện                                                                                       | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                            |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 8.  | MT-2023-08 | Nghiên cứu ứng dụng phế phẩm nông nghiệp trong bãi lọc trồng cây xử lý nước thải sinh hoạt.                                                                                                                       | Vũ Mạnh Dũng<br>Trần Doãn Hiếu<br>Trần Quỳnh Phương<br>Hoàng Tuấn Phong<br>Đào Xuân Khải                  | 64MNE<br>63MNE<br>63MNE<br>65MNEC<br>65MNEC    | PGS.TS Đặng Thị Thanh Huyền                    |
| 9.  | MT-2023-09 | Nghiên cứu xác định diễn biến nồng độ bụi PM2.5 trong nhà và ngoài nhà một số hộ gia đình tại Hà Nội, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và biện pháp giảm thiểu.                                                     | Trần Nguyên Phương<br>Nguyễn Ngọc Nam<br>Nguyễn Đắc Tiến<br>Nguyễn Thị Thúy Nga<br>Nguyễn Hữu Khánh Dương | 65HKC4<br>65HKC4<br>65HKC4<br>65HKC4<br>65HKC4 | ThS. Mạc Văn Đạt<br>PGS.TS Trần Ngọc Quang     |
| 10. | MT-2023-10 | Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động sinh hoạt trong gia đình đến bụi PM2.5 bên trong một số hộ gia đình tại Hà Nội.                                                                                   | Bùi Văn Hiếu<br>Trần Mạnh Hùng<br>Hồ Sỹ Thắng<br>Nguyễn Hữu Ngọc                                          | 64HKC2<br>64HKC3<br>64HKC2<br>64HKC2           | ThS. Nguyễn Thị Huệ                            |
| 11. | MT-2023-11 | Nghiên cứu đánh giá lượng chất thải nhựa rò rỉ ra môi trường từ hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và đề xuất các biện pháp giảm thiểu tới đô thị giảm nhựa. Nghiên cứu điển hình cho thành phố Huế. | Nguyễn Linh Hoa<br>Tạ Hương Giang                                                                         | 64MTC<br>64MTC                                 | TS. Hoàng Minh Giang                           |
| 12. | MT-2023-12 | Đánh giá khả năng xử lý đồng thời một số kim loại nặng trong nước thải của một số loại chất thải rắn xây dựng                                                                                                     | Đỗ Hương Giang<br>Đào Thị Như Quỳnh<br>Nghiêm Công Thức<br>Bùi Trung Quang                                | 63MNE<br>64MN<br>64MN<br>64MN                  | ThS. Trần Hoài Sơn                             |
| 13. | MT-2023-13 | Đánh giá khả năng xử lý trong nước thải của bê tông thải và bê tông khí chưng áp AAC hướng tới mục tiêu giảm thiểu hiện tượng phú dưỡng trong nước hồ và thu hồi phot pho.                                        | Đỗ Hương Giang<br>Đào Thị Như Quỳnh<br>Nghiêm Công Thức<br>Bùi Trung Quang                                | 63MNE<br>64MN<br>64MN<br>64MN                  | ThS. Trần Hoài Sơn                             |
| 14. | MT-2023-14 | Khảo sát, đo đạc và đánh giá một số chất ô nhiễm không khí chính bên trong lớp học của trường học ở khu vực đô thị                                                                                                | Nguyễn Linh Hoa<br>Võ Thị Thu Trà<br>Lê Thanh Thư<br>Nguyễn Ngọc Nam<br>Dương<br>Nguyễn Hữu Tú            | 64MTC<br>65MTC<br>66HKEC<br>66HKEC<br>66HKEC   | ThS. Hoàng Tuấn Việt<br>PGS.TS Nguyễn Đức Lược |
| 15. | MT-2023-15 | Đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính từ tiêu thụ năng lượng và sử dụng môi chất lạnh trong lĩnh vực tòa nhà ở Việt Nam                                                                                      | Nguyễn Tiến Nam<br>Nguyễn Ngọc Nam<br>Dương<br>Nguyễn Hữu Tú<br>Nguyễn Thanh Thư<br>Vũ Xuân Hoàng Anh     | 64HKC1<br>66HKEC<br>66HKEC<br>66HKEC<br>66HKEC | ThS. Hoàng Tuấn Việt<br>PGS.TS Nguyễn Đức Lược |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                                                                                          | Sinh viên thực hiện                                                                         | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                           |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 16. | MT-2023-16 | Nghiên cứu đánh giá tác động của lọc bụi đến chất lượng không khí trong nhà ở gia đình                                                                                                                              | Nguyễn Quang Duy<br>Nguyễn Kiều Trang<br>Trần Văn Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt<br>Trần Trọng Long | 65HKC1<br>65HKC1<br>65HKC1<br>66HKC2<br>66HKC2 | PGS.TS Trần Ngọc Quang<br>ThS. Mạc Văn Đạt    |
| 17. | MT-2023-17 | Nghiên cứu xác định nhiệt độ gia nhiệt ngày (Heating Degree Days – HDD) và nhiệt độ làm lạnh ngày (Cooling Degree Days - CDD) để phân tích năng lượng và hiệu quả hệ thống điều hòa không khí tại Hà Nội, Việt Nam. | Nguyễn Thị Lý<br>Lê Minh Đức<br>Nguyễn Huy Hoàng<br>Trần Tiến Mạnh<br>Đặng Đình Thái        | 65HKC2<br>65HKC3<br>65HKC3<br>65HKC3<br>65HKC3 | ThS. Mạc Văn Đạt                              |
| 18. | MT-2023-18 | Nghiên cứu đánh giá hiệu quả xử lý N và P trong một số loại nước thải bằng bãi lọc trồng cây có sử dụng vật liệu lọc PRB từ phế thải xây dựng.                                                                      | Hoàng Diệu Linh<br>Tạ Hương Giang<br>Nguyễn Anh Tuấn                                        | 64MTC<br>64MTC<br>64MTC                        | TS. Nguyễn Lan Hương                          |
| 19. | MT-2023-19 | Nghiên cứu đánh giá chất lượng không khí trong nhà ở gia đình dưới tác động của các thiết bị điều hòa và xử lý không khí mới                                                                                        | Trần Văn Hòa<br>Trần Trọng Trường<br>Nguyễn Hữu Lương                                       | 65HKC1<br>65HKC1<br>65HKC1                     | PGS.TS Trần Ngọc Quang<br>ThS. Mạc Văn Đạt    |
| 20. | MT-2023-20 | Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của các chế độ phân phối gió đến chất lượng không khí trong công trình.                                                                                                               | Mai Trọng Nghĩa<br>Nguyễn Duy Phương<br>Ngô Tiến Thành<br>Chu Văn Huy                       | 65HKC2<br>65HKC2<br>65HKC2<br>65HKC2           | ThS. Nguyễn Văn Duy<br>PGS.TS Trần Ngọc Quang |
| 21. | MT-2023-21 | Đánh giá hiệu quả chiết tách MOCP từ hạt cây chùm ngây (Moringa oleifera) và sử dụng MOCP trong quá trình keo tụ và tạo bông.                                                                                       | Tạ Hương Giang<br>Hoàng Diệu Linh<br>Đỗ Thị Ngọc                                            | 64MTC<br>64MTC<br>64MTC                        | ThS. Nguyễn Thúy Liên                         |
| 22. | MT-2023-22 | Nghiên cứu xử lý nước hồ ô nhiễm bằng công nghệ tuyển nổi với bọt khí mịn.                                                                                                                                          | Nguyễn Hữu Chiến<br>Hoàng Thị Thu Thảo                                                      | 63MNE<br>63MN                                  | GS.TS Nguyễn Việt Anh<br>ThS. Lê Trọng Bằng   |
| 23. | MT-2023-23 | Nghiên cứu cải thiện chất lượng nước hồ đô thị bằng công nghệ bọt khí siêu mịn.                                                                                                                                     | Đào Xuân Khải<br>Nguyễn Văn Quốc<br>Phạm Đức Trung                                          | 65MNEC<br>65MNEC<br>64MNE                      | GS.TS Nguyễn Việt Anh<br>TS. Bùi Thị Thủy     |
| 24. | MT-2023-24 | Nghiên cứu phát triển hệ bùn hạt kỵ khí sản xuất carboxylate từ nước thải và chất thải công nghiệp thực phẩm.                                                                                                       | Chữ Thảo Vân<br>Vũ Văn Trung<br>Dương Thị Hoài Thu<br>Vũ Cát Hải<br>Trần Huy Hoàng          | 65MNC<br>65MNC<br>65MNC<br>65MNC<br>65MNC      | TS. Dương Thu Hằng                            |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                   | Sinh viên thực hiện                                                                               | Lớp                                       | Giáo viên hướng dẫn                         |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 25. | MT-2023-25 | Nghiên cứu tổng quan công nghệ mô hình hóa trong xử lý nước thải và tiềm năng ứng dụng tại Việt Nam.                         | Nguyễn Thanh Tùng<br>Nguyễn Hoàng Mai<br>Trần Thị Hồng Nhung<br>Nguyễn Thạch Thảo<br>Phạm Duy Nam | 65MNC<br>65MNC<br>65MNC<br>65MNC<br>65MNC | ThS Nguyễn Trà My                           |
| 26. | MT-2023-26 | Đánh giá năng lượng thu hồi từ chất thải rắn sinh học hữu cơ                                                                 | Lê Văn Tuấn<br>Tạ Minh Tiến<br>Triệu Nguyễn Khang<br>Trần Việt Hà                                 | 65MTC<br>65MTC<br>65MTC<br>65MTC          | TS. Phạm Văn Định                           |
| 27. | MT-2023-27 | Tối ưu hóa quá trình keo tụ tạo bông bằng chất keo tụ được chiết xuất từ hạt chùm ngây, ứng dụng trong công nghệ xử lý nước. | Cao Tiến Hiệp<br>Đào Xuân Khải<br>Bùi Thị Lê Anh                                                  | 65MNEC<br>65MNEC<br>65MNEC                | ThS. Nguyễn Thúy Liên<br>TS. Dương Thu Hằng |

(Danh mục gồm 27 đề tài)



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**

(Theo quyết định số: 96/QĐ-ĐHXDHN ngày 13/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ XÂY DỰNG**

| TT | Mã số đề tài | Tên đề tài                                                                                                                                                        | Họ và tên sinh viên                                                                            | Lớp                                       | Giảng viên hướng dẫn                                               |
|----|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1  | KT-2023-01   | Nghiên cứu rào cản công nhân xây dựng ngoại tỉnh làm việc tại Hà Nội                                                                                              | Phạm Thị Giang<br>Đào Lê Quang Huy<br>Nguyễn Duy Phương<br>Trần Thị Hương Quỳnh                | 66KT5<br>66KT6<br>66KT5<br>66QD1          | ThS. Đỗ Hữu Khoa                                                   |
| 2  | KT-2023-02   | Mức độ đáp ứng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên ngành kinh tế và quản lý xây dựng theo nhu cầu xã hội - nghiên cứu tình huống tại trường đại học xây dựng Hà Nội | Lê Anh Thư<br>Nguyễn Lan Anh<br>Đỗ Hoàng Anh<br>Nguyễn Thị Minh Hào                            | 65KT4<br>65KT4<br>65KT4<br>65KT4          | TS. Vũ Kim Yến                                                     |
| 3  | KT-2023-03   | Giải pháp tăng cường hiệu quả công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội                                                                     | Nguyễn Văn An<br>Lê Thị Diễm Quỳnh<br>Trần Thị Hà<br>Hoàng Trường Thành<br>Hà Thị Phú          | 65KT7<br>64KTE<br>65KT6<br>66KT8<br>66KT3 | ThS. Bùi Quang Linh                                                |
| 4  | KT-2023-04   | Phân tích về ứng dụng Digital Twin (Cặp song sinh kỹ thuật số) cho quản lý vận hành công trình xây dựng tại Việt Nam                                              | Lê Thị Diễm Quỳnh<br>Vũ Gia Bình<br>Nguyễn Thị Linh Chi<br>Vũ Thị Hồng Thu<br>Luu Thị Huế      | 64KTE<br>64KT8<br>66KT2<br>66KT4<br>65QD1 | ThS. Lê Hoài Nam                                                   |
| 5  | KT-2023-05   | Nghiên cứu và đánh giá các nhân tố thúc đẩy và mức độ ảnh hưởng của các rào cản khi triển khai số hóa ngành xây dựng tại Việt Nam.                                | Nguyễn Quang Kiên<br>Phạm Thị Huyền Thương<br>Trần Văn Anh<br>Trần Ngọc Minh<br>Đình Quang Lâm | 64KTE<br>64KTE<br>66KT7<br>65KTE<br>66KTE | TS. Nguyễn Quốc Toàn,<br>KS. Vũ Văn Phong (Sunjin Vietnam JV. Co.) |
| 6  | KT-2023-06   | Nghiên cứu xác định một số định mức tỷ lệ phục vụ công tác lập và đánh giá hiệu quả tài chính dự án                                                               | Trương Việt Hoàng<br>Trần Thị Thu Uyên                                                         | 64KT3<br>64KT3                            | ThS. Đỗ Hữu Khoa                                                   |



| TT | Mã số đề tài | Tên đề tài                                                                                                                                           | Họ và tên sinh viên                                                                             | Lớp                                       | Giảng viên hướng dẫn   |
|----|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------|
| 7  | KT-2023-07   | Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của ban quản trị các tòa nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội                                    | Vũ Thị Hòa<br>Nguyễn Hải Nam<br>Nghiêm Văn Tuyên<br>Phan Thị Ngọc Ánh<br>Vi Thành Quang         | 64KT4<br>64KT4<br>64KT4<br>64KT4<br>64KT4 | ThS. Bùi Quang Linh    |
| 8  | KT-2023-08   | Sử dụng mô hình tương quan đa nhân tố theo quan hệ tổng đánh giá các nguyên nhân ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện dự án xây dựng tại Hà Nội           | Cao Đặng Nghĩa Hiệp<br>Ngô Khánh Linh<br>Phạm Thu Hà<br>Phạm Thị Hải Anh                        | 65KT5<br>65KTE<br>66KT7<br>65KT5          | TS. Nguyễn Thị Thúy    |
| 9  | KT-2023-09   | Nghiên cứu mạng lưới mối quan hệ của doanh nghiệp chuyên cung cấp giải pháp công nghệ thông tin trong lĩnh vực logistics                             | Nguyễn Thị Việt Hà<br>Trần Hà Vân<br>Nguyễn Cẩm Tú<br>Trần Hữu Thành                            | 66GLT2<br>66GLT2<br>66GLT2<br>66GLT2      | ThS. Nguyễn Bảo Ngọc   |
| 10 | KT-2023-10   | Nghiên cứu vấn đề thiếu chỗ đỗ xe ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội                                                                                 | Nguyễn Tuấn Hùng<br>Tạ Minh Thái<br>Luu Thị Huế<br>Bùi Thu Hà<br>Nguyễn Thị Nhâm                | 65QD1<br>65QD1<br>65QD1<br>65QD1<br>65QD1 | ThS. Hoàng Văn Giang   |
| 11 | KT-2023-11   | Nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ đồ án tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế và QLXD dạng đề tài Lập hồ sơ dự thầu xây lắp         | Trần Thị Mai Phương<br>Hồ Ngọc Lương<br>Tạ Thị Thúy<br>Nguyễn Thị Kim Oanh<br>Nguyễn Ngọc Trang | 64KTE<br>64KTE<br>64KTE<br>64KTE<br>64KTE | TS. Nguyễn Liên Hương  |
| 12 | KT-2023-12   | Giải pháp ứng dụng có hiệu quả trạm thu phí không dừng (ETC – Electronic Toll Collection) tại Việt Nam                                               | Nguyễn Diệu Linh<br>Nguyễn Quang Hiếu<br>Nguyễn Hoàng Hải<br>Dương Công Hoàng<br>Phạm Hồng Ngọc | 65KTE<br>65KTE<br>65KTE<br>65KTE<br>65KTE | TS. Nguyễn Tuấn Anh    |
| 13 | KT-2023-13   | Xây dựng và phát triển hệ thống đỗ xe thông minh (Smart parking system) cho thành phố Hà Nội – Kinh nghiệm từ các thành phố thông minh trên thế giới | Phạm Hồng An<br>Trần Thị Thu Hoài<br>Phạm Thị Thùy Dương                                        | 64KTE<br>64KTE<br>64KTE                   | TS. Tô Thị Hương Quỳnh |

| TT | Mã số đề tài | Tên đề tài                                                                                                     | Họ và tên sinh viên                                                                                | Lớp                                              | Giảng viên hướng dẫn      |
|----|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------|
| 14 | KT-2023-14   | Áp dụng công nghệ giao thông thông minh (ITS) vào quản lý giao thông ở Việt Nam                                | Trần Thu Hà<br>Lê Thị Hồng Nhung<br>Nguyễn Hải Biên<br>Bùi Văn Tùng Lâm<br>Lê Tôn Thành Long       | 65KT6<br>65KT6<br>65XD4<br>66KT6<br>65XD4        | TS. Nguyễn Tuấn Anh       |
| 15 | KT-2023-15   | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư xây dựng công trình ngầm đô thị tại thành phố Hà Nội      | Nguyễn Đức Long<br>Trần Thị Phương Thảo<br>Nguyễn Thị Thúy<br>Đậu Thị Quỳnh Xuân<br>Trần Quốc Mạnh | SBKT1<br>64KT9<br>66KT3<br>66KT1<br>63XD1        | ThS. Nguyễn Thị Hoan      |
| 16 | KT-2023-16   | Hoàn thiện hệ thống thu phí tại các dự án hạ tầng giao thông đường bộ đầu tư theo phương thức BOT tại Việt Nam | Phan Thị Phương Thảo<br>Lương Tuấn Hiệp<br>Vũ Hương Giang<br>Nguyễn Diệu Linh<br>Đỗ Yến Nhi        | 65KT6<br>65KT6<br>66KT1<br>66KT1<br>66KT1        | ThS. Nguyễn Như Phiên     |
| 17 | KT-2023-17   | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định mua nhà của những người trẻ tuổi tại Hà Nội                     | Trịnh Trung Kiên<br>Nguyễn Trần Tuấn Anh<br>Nguyễn Sơn Dương<br>Trần Văn Mạnh<br>Lê Huy Đức        | 66BDS1<br>66BDS1<br>66BDS1<br>66BDS1<br>66QD1    | TS. Nguyễn Quốc Toàn      |
| 18 | KT-2023-18   | Nghiên cứu tìm hiểu chung về thị trường chứng khoán từ sau đại dịch covid đến nay                              | Lê Quốc Việt<br>Ngô Cẩm Tú<br>Nguyễn Thị Thu Hiền<br>Hoàng Ngọc Thiên Hương<br>Lê Thùy Anh         | 65KT6<br>65KT6<br>65KT6<br>67KT2<br>BKQH2<br>021 | ThS. Thiều Thị Thanh Thủy |
| 19 | KT-2023-19   | Nghiên cứu lựa chọn nhà thầu thi công trong xây dựng qua mạng                                                  | Vũ Thị Thùy Dung<br>Đinh Quang Hưng<br>Nguyễn Danh Đức<br>Trần Thị Hương<br>Trần Đắc               | 65KT5<br>64KT9<br>65KT5<br>65KT4<br>65KT8        | TS. Nguyễn Văn Trung      |
| 20 | KT-2023-20   | Nghiên cứu phương pháp phân tích, đánh giá các dự án tái chế phế thải xây dựng tại Việt Nam.                   | Phạm Thị Phương Thảo<br>Đỗ Hoàng Nhi<br>Nguyễn Tuấn Kiệt                                           | 65QD3<br>65KT6<br>65KT1                          | ThS. Nguyễn Việt Hùng     |

| TT | Mã số đề tài | Tên đề tài                                                                                                                                    | Họ và tên sinh viên                                                                                      | Lớp                                         | Giảng viên hướng dẫn                             |
|----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 21 | KT-2023-21   | Nghiên cứu về các kỹ năng yêu cầu thực hành BIM của kỹ sư kinh tế xây dựng tại Việt Nam                                                       | Nguyễn Thị Phương Loan<br>Đặng Phạm Việt Anh<br>Trần Mai Anh<br>Phạm Quỳnh Trang<br>Nguyễn Thị Thu Trang | 65KTE<br>65KTE<br>65KTE<br>65KTE<br>65KTE   | ThS. Nguyễn Như Phiên; TS. Nguyễn Tuấn Anh       |
| 22 | KT-2023-22   | Nghiên cứu ảnh hưởng của việc làm thêm tới chất lượng học tập của sinh viên khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng – trường đại học Xây dựng Hà Nội | Tạ Đăng Bách<br>Nguyễn Thu Hương<br>Cao Thị Hồng<br>Hạng Phi Hùng<br>Trần Thị Mai Phương                 | 66KT6<br>66KT6<br>66KT6<br>66KT5            | TS. Tô Thị Hương Quỳnh                           |
| 23 | KT-2023-23   | Hoạch định tài chính doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn Hà Nội - Thực trạng và giải pháp                                                      | Nguyễn Thị Minh Ánh<br>Đỗ Thị Hồng Ánh                                                                   | 64KT8<br>64KT8                              | PGS. TS Nguyễn Văn Bảo                           |
| 24 | KT-2023-24   | Giải pháp huy động vốn cho các dự án kinh doanh bất động sản xanh                                                                             | Nguyễn Thảo Trang<br>Luu Quang Phương<br>Phạm Phú Hải                                                    | 65BDS1<br>B27KT<br>64BDS1                   | ThS. Đặng Thị Hồng Duyên;<br>KS. Nguyễn Đức Hiếu |
| 25 | KT-2023-25   | Nghiên cứu ảnh hưởng của dịch bệnh đến thị trường bất động sản xanh                                                                           | Luu Quang Phương<br>Nguyễn Thảo Trang<br>Lê Thị Hoài                                                     | B27KT<br>65BDS1<br>64BDS1                   | ThS. Đặng Thị Hồng Duyên;<br>KS. Nguyễn Đức Hiếu |
| 26 | KT-2023-26   | Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng quản lý chuỗi cung ứng xanh vào trong ngành xây dựng tại Việt Nam.                            | Đỗ Thu Thủy<br>Nguyễn Thị Thu Trang<br>Đinh Quang Trung<br>Phạm Quỳnh Anh<br>Luu Hữu Khánh               | 64QD3<br>64BDS2<br>66KTE<br>65KT5<br>65BDS1 | ThS. Trần Phương Nam                             |
| 27 | KT-2023-27   | Nghiên cứu cơ hội và thách thức trong việc lựa chọn nghề nghiệp xây dựng ở thời kỳ cách mạng 4.0                                              | Ngô Văn Quân<br>Trần Đỗ Khánh Linh<br>Trần Thị Hương<br>Bùi Đức Dương<br>Phạm Minh Đức                   | 66KT2<br>66KT2<br>66KT2<br>66KT2<br>66KT2   | ThS. Trần Đức Bình                               |

| TT | Mã số đề tài | Tên đề tài                                                                                                                                                       | Họ và tên sinh viên                                                                           | Lớp                                          | Giảng viên hướng dẫn                            |
|----|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 28 | KT-2023-28   | Nghiên cứu nhận dạng các sai sót thường gặp trong quá trình lập dự toán xây dựng công trình(DT XDCT) và đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế các sai sót nêu trên. | Lê Thị Hoài<br>Vũ Thị Khánh Linh<br>Lê Thị Thương                                             | 64BDS1<br>64BDS2<br>64KT10                   | PGS. TS<br>Nguyễn Thế Quân                      |
| 29 | KT-2023-29   | Nghiên cứu áp dụng BIM để nâng cao việc quản lí thông tin/kiến thức trong ngành xây dựng                                                                         | Nguyễn Thị Hoài Linh<br>Nguyễn Phương Anh<br>Nguyễn Minh Châu<br>Vũ Huyền Trang               | 66KT7<br>66KT7<br>66KT7<br>66KT4             | TS. Đào Thùy Ninh                               |
| 30 | KT-2023-30   | Đánh giá hiệu quả sử dụng ván khuôn nhôm so với ván khuôn truyền thống trong thi công xây dựng nhà cao tầng tại Việt Nam                                         | Phạm Thị Mỹ<br>Đào Khôi Nguyên<br>Nguyễn Phúc Thanh<br>Chu Thị Thanh Tâm<br>Lương Trần Hưng   | 65KTE<br>64KT5<br>65KTE<br>66KTE<br>66KDN TC | ThS. Nguyễn Thị Hoan                            |
| 31 | KT-2023-31   | Đánh giá hiệu quả sử dụng ván khuôn nhôm trong thi công nhà cao tầng trên địa bàn thành phố Hà Nội                                                               | Đặng Ngọc Hà<br>Tống Phúc Ninh<br>Vũ Thị Hòa<br>Lê Nhật Anh                                   | 64KT6<br>64TH2<br>64KT4<br>64KT4             | ThS. Nguyễn Việt Hùng và<br>TS. Nguyễn Tuấn Anh |
| 32 | KT-2023-32   | Quản lý dự án xây dựng công trình xanh                                                                                                                           | Nguyễn Quang Kiên<br>Phạm Thị Huyền Thương<br>Trần Văn Anh<br>Trần Ngọc Minh<br>Phạm Quốc Anh | 64KTE<br>64KTE<br>66KT7<br>65KTE<br>65KTE    | TS. Nguyễn Quốc Toàn                            |
| 33 | KT-2023-33   | Xác định nhân tố tác động đến quyết định chọn ngành học của sinh viên ngành Kinh tế xây dựng                                                                     | Phạm Thị Yến Nhi<br>Vũ Tín Phúc<br>Nguyễn Thu Phương                                          | 65QD3<br>65QD3<br>65QD3                      | TS. Nguyễn Quốc Toàn<br>ThS Nguyễn Hồng Hải     |

(Danh mục gồm 33 đề tài)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**

(Theo quyết định số: 96 /QĐ-ĐHXDHN ngày 13/1 /2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**KHOA VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

| TT | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                                       | Sinh viên thực hiện                                                                             | Lớp                                           | Giáo viên hướng dẫn                                  |
|----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1. | VL-2023-01 | Nghiên cứu sử dụng phụ gia khoáng tro bay để chế tạo vữa phủ vi sinh dưới tác động của môi trường nước thải sinh hoạt                            | Trần Nhật Lệ<br>Trần Văn Hải<br>Trần Xuân Lưu<br>Nguyễn Thành Long                              | 64VL<br>64VL<br>64VL<br>64VL                  | PGS.TS<br>Nguyễn Văn Tuấn<br>TS. Nguyễn Công Thắng.  |
| 2. | VL-2023-02 | Nghiên cứu hệ vật liệu cao nhôm (hàm lượng $Al_2O_3 \geq 95\%$ ) định hướng sản xuất tấm lót chịu mài mòn trong công nghiệp                      | Lại Huy Hoàng<br>Nguyễn Ngọc Quân<br>Hoà Thiên Phát<br>Trần Tuấn Quang                          | 66MSE1<br>66MSE1<br>66MSE2<br>67MSE           | PGS.TS Văn Viết Thiên Ân<br>ThS. Mai Văn Dương       |
| 3. | VL-2023-03 | Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ bởi oxit từ tính và phế phẩm nông nghiệp biến tính nhằm xử lý Chì trong nước                                 | Trần Thị Lan<br>Phạm Đức Cảnh<br>Nguyễn Như Mai<br>Nguyễn Kim Sơn<br>Hoàng Lý Hải               | 65MSE<br>66MSE1<br>66MSE1<br>66MSE1<br>66MSE2 | TS. Chu Thị Thu Hiền                                 |
| 4. | VL-2023-04 | Nghiên cứu chế tạo vữa tiêu âm sử dụng cốt liệu cao su tái chế từ lốp xe                                                                         | Vũ Thành Nam<br>Bùi Mạnh Tiến<br>Trần Ngọc Thành<br>Nguyễn Ngọc Linh                            | 63VL<br>63VL<br>65VL<br>65VL                  | TS. Trần Đức Trung                                   |
| 5. | VL-2023-05 | Nghiên cứu ảnh hưởng của xi măng, phụ gia khoáng hoạt tính và phụ gia siêu dẻo đến một số tính chất của chất kết dính thạch cao phốt pho hỗn hợp | Nguyễn Hải Yến<br>Phạm Đình Trọng<br>Bùi Trung Nguyên<br>Trần Văn Sơn<br>Trần Tố Quyên          | 63VL<br>63VL<br>64VL<br>64VL<br>65XE2         | ThS. Ngô Kim Tuấn<br>TS. Trần Đức Trung              |
| 6. | VL-2023-06 | Nghiên cứu khả năng tự cảm biến của bê tông chất lượng siêu cao                                                                                  | Hoàng Nguyệt Ánh<br>Phạm Quang Thái<br>Nguyễn Kiều Phong<br>Hoàng Mạnh Nam<br>Nguyễn Minh Quang | 65MSE<br>64CLC1<br>64CLC1<br>64CLC1<br>65MSE  | TS. Bùi Thị Thanh Huyền<br>PGS.TS<br>Nguyễn Văn Tuấn |
| 7. | VL-2023-07 | Nghiên cứu ảnh hưởng của DMP30 đến phản ứng đông rắn của nhựa epoxy YD128 ứng dụng cho vật liệu polyme compozit cốt sợi thủy tinh                | Nguyễn Bá Anh<br>Hoàng Trung Kiên<br>Tạ Đình Quang Anh<br>Trần Phát<br>Bùi Đình Khôi            | 65MSE<br>66CLC2<br>66CLC2<br>66CLC2<br>66CLC1 | TS. Đỗ Thị Thanh Hà<br>ThS. Lê Hà Nhật               |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                    | Sinh viên thực hiện                                                                                  | Lớp                                     | Giáo viên hướng dẫn                          |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|
| 8.  | VL-2023-08 | Tổng hợp Cu <sub>2</sub> O kích thước nanomet sử dụng phương pháp tổng hợp xanh và đánh giá khả năng diệt khuẩn của vật liệu  | Lê Đức Hiếu<br>Trần Thu Hoàn<br>Chu Phan Hà Quang<br>Nguyễn Tấn Phong<br>Đỗ Tiến Nhật                | 66XF<br>66XF<br>66XF<br>66XF<br>66XF    | TS. Lê Mạnh Cường<br>TS. Lưu Thị Lan Anh     |
| 9.  | VL-2023-09 | Nghiên cứu ảnh hưởng của công nghệ Plasma lạnh xử lý lớp phủ bề mặt gỗ tăng khả năng bám dính của các loại phụ gia lên bề mặt | Lưu Tuấn Anh<br>Đỗ Tiến Trung<br>Hoàng Trọng Linh                                                    | 65MSE<br>65MSE<br>65MSE                 | TS. Lê Mạnh Cường<br>NCS Lê Thị Quỳnh Xuân   |
| 10. | VL-2023-10 | Nghiên cứu phát triển chất trợ nghiền tăng mác                                                                                | Vũ Năng Nam<br>Nguyễn Nam Hoàng<br>Hoàng Trọng Linh<br>Trần Văn Bình                                 | 65MSE<br>65MSE<br>65MSE<br>65MSE        | TS. Nguyễn Trường Giang                      |
| 11. | VL-2023-11 | Nghiên cứu chế tạo bê tông tự lèn sử dụng cốt liệu tái chế                                                                    | Nguyễn Phạm Hoài Nam<br>Lê Quang Sơn<br>Đỗ Trung Hiếu<br>Phạm Thị Bình                               | 64VL<br>64VL<br>64VL<br>65VL            | TS. Trần Đức Trung                           |
| 12. | VL-2023-12 | Nghiên cứu chế tạo phụ gia rắn nhanh không chứa ion clo cho vữa và bê tông                                                    | Nguyễn Đình Quân<br>Nguyễn Nam Hoàng<br>Nguyễn Trần Thu Thủy<br>Nguyễn Mạnh Cường<br>Hoàng Đại Nghĩa | 65MSE<br>65MSE<br>65VL<br>65VL<br>64XD8 | ThS. Mai Quế Anh<br>TS. Nguyễn Trọng Lâm     |
| 13. | VL-2023-13 | Nghiên cứu chế tạo bê tông sử dụng hàm lượng xi măng thấp hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn         | Nguyễn Trần Thu Phương<br>Hoàng Thị Hồng Ngát<br>Lê Minh Huệ<br>Trần Hiền Nhung<br>Phạm Thị Thu Hà   | 64VL<br>64VL<br>65VM<br>65VM<br>67VL    | TS. Nguyễn Trọng Lâm<br>TS. Phan Văn Chương  |
| 14. | VL-2023-14 | Nghiên cứu tính chất và khả năng bị ăn mòn của bê tông trong cọc bê tông ly tâm ứng suất trước                                | Đỗ Mạnh Dương<br>Hoàng Đình Thanh<br>Nguyễn Thị Hương Giang<br>Đoàn Phương Anh<br>Phạm Đức Thần      | 65VL<br>65VL<br>66VL1<br>66VL1<br>66VL2 | TS. Nguyễn Trọng Lâm<br>TS. Lê Phụng Ly      |
| 15. | VL-2023-15 | Nghiên cứu tính chất của hỗn hợp bê tông và bê tông đã rắn chắc sử dụng cốt liệu nhân tạo từ tro bay                          | Phạm Đức Tiến<br>Phạm Hải Nam<br>Ngô Hương Trà<br>Đặng Bình An<br>Nguyễn Minh Đức                    | 65VL<br>65VL<br>66VL2<br>66VL2<br>67VL  | ThS. Mai Quế Anh<br>TS. Nguyễn Trọng Lâm     |
| 16. | VL-2023-16 | Nghiên cứu sử dụng xi nhôm chế tạo gạch nhẹ chống cháy                                                                        | Trần Văn Bình<br>Nguyễn Thị Thanh Chúc                                                               | 65MSE<br>65MSE                          | PGS.TS Hoàng Vĩnh Long                       |
| 17. | VL-2023-17 | Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme blend ABS/PPO sử dụng ống nano halloysite biến tính                                        | Lê Anh Tú<br>Vũ Năng Nam<br>Lê Dương Kỳ Anh<br>Nguyễn Thanh Hiệp                                     | 65MSE<br>65MSE<br>66MSE<br>66MSE        | PGS.TS Văn Viết Thiên Ân<br>TS. Vũ Mạnh Tuấn |

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                            | Sinh viên thực hiện                              | Lớp                     | Giáo viên hướng dẫn                                         |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 18. | VL-2023-18 | Nghiên cứu chế tạo và khảo sát tính chất cơ-nhiệt của vật liệu polymer composít trên nền polyamit 11 và sợi gai xanh biến tính hữu cơ | Đỗ Văn Hùng<br>Cao Đức Tâm<br>Trần Thị Hồng Tươi | 65MSE<br>65MSE<br>67MSE | PGS.TS. Hoàng<br>Vĩnh Long<br>PGS.TS.<br>Nguyễn Vũ<br>Giang |

(Danh mục gồm 18 đề tài)



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**

(Theo quyết định số: 96/QĐ-ĐHXDHN ngày 13/1/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**KHOA CƠ KHÍ**

| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                                                     | Sinh viên thực hiện                                                                            | Lớp                                        | Giáo viên hướng dẫn                             |
|-----|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1.  | CK-2023-01 | Nghiên cứu tính toán thiết kế mô hình cơ cấu Cam phục vụ tham quan thực tập cho học phần nguyên lý máy và cơ học máy           | Lê Nam Phi                                                                                     | 63KG                                       | ThS. Tổng Đức Năng                              |
| 2.  | CK-2023-02 | Điều khiển chống rung lắc cho xe con cần trục để nâng cao độ an toàn và nâng cao năng suất cần trục trên cơ sở phản hồi đầu ra | Phạm Đức Quyết Thắng<br>Đàm Thuận Phú                                                          | 65ME2<br>63KG                              | ThS. Lê Hồng Quân                               |
| 3.  | CK-2023-03 | Nghiên cứu thiết bị thay thế Palltet ứng dụng trong nhà kho logistic                                                           | Phạm Hoàng Vũ<br>Trịnh Bồng                                                                    | 65ME2<br>65ME2                             | ThS. Đỗ Văn Nhất                                |
| 4.  | CK-2023-04 | Nghiên cứu lắp đặt hệ thống phanh khí xả động cơ trên xe tải thể hệ cũ                                                         | Vũ Hoàng Nam<br>Nguyễn Bảo Sơn<br>Ninh Văn Vương                                               | 66KOC2<br>66KOC2<br>66KOC2                 | TS. Trần Đức Hiếu                               |
| 5.  | CK-2023-05 | Tìm hiểu và xây dựng mô hình động cơ đốt trong                                                                                 | Lê Văn Hà<br>Nguyễn Văn Thế<br>Nguyễn Hữu Hiếu                                                 | 66KOC2<br>66KOC2<br>66KOC2                 | TS. Trần Đức Hiếu                               |
| 6.  | CK-2023-06 | Nghiên cứu hệ thống phanh thủy lực có trang bị ABS trên ô tô con                                                               | Nguyễn Quang Thành<br>Trần văn Tiến<br>Mai Thanh Biên<br>Nguyễn Xuân Sáng<br>Hạ Hồ Tuấn        | 66KOC<br>66KOC<br>66KOC<br>66KOC<br>66KOC  | ThS. Nguyễn Ngọc Nhi                            |
| 7.  | CK-2023-07 | Nghiên cứu tiết kiệm năng lượng cho xe nâng forklift                                                                           | Nguyễn Hoàng Lâm<br>Nguyễn Văn Hiếu<br>Đinh Kiều Oanh                                          | 64KG<br>65ME1<br>66KG                      | TS. Nguyễn Văn Tịnh                             |
| 8.  | CK-2023-08 | Nghiên cứu thiết kế và xây dựng mô hình máy điểm danh sinh viên                                                                | Nguyễn Duy Kiên<br>Nguyễn Ngọc Linh<br>Nguyễn Hữu Toàn<br>Viên Đình Thức                       | 65MEC1<br>65MEC1<br>65MEC1<br>65MEC1       | ThS. Nguyễn Văn Thiện<br>ThS. Nguyễn Danh Giang |
| 9.  | CK-2023-09 | Nghiên cứu, mô phỏng động cơ trong xe điện                                                                                     | Lê Ngọc Anh<br>Nguyễn Xuân Tùng<br>Nguyễn Bùi Minh Hiếu<br>Nguyễn Văn Văn<br>Trương Tất Hùng   | 64MEC<br>64MEC<br>64MEC<br>64MEC<br>65MEC2 | TS. Nguyễn Đức Bắc<br>ThS. Nguyễn Văn Mẫn       |
| 10. | CK-2023-10 | Nghiên cứu, thiết kế máy chấm thi trắc nghiệm                                                                                  | Nguyễn Bùi Minh Hiếu<br>Nguyễn Xuân Tùng<br>Lê Ngọc Anh<br>Nguyễn Văn Văn<br>Nguyễn Đình Dương | 64MEC<br>64MEC<br>64MEC<br>64MEC<br>65MEC2 | TS. Nguyễn Đức Bắc<br>ThS. Nguyễn Văn Mẫn       |



| TT  | Mã số      | Tên đề tài                                                                                | Sinh viên thực hiện                                                                           | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                                |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 11. | CK-2023-11 | Thiết kế hệ thống điều khiển xe tự hành AGV trong nhà máy                                 | Phạm Minh Hào<br>Nguyễn Việt Diễn<br>Nguyễn Tiến Đạt<br>Nguyễn Văn Phương<br>Nguyễn Quốc Việt | 65MEC2<br>65MEC2<br>65MEC2<br>65MEC2<br>65MEC2 | ThS. Nguyễn Như Bách                               |
| 12. | CK-2023-12 | Nghiên cứu các bài thí nghiệm điện tử cơ bản                                              | Đồng Duy Anh<br>Nguyễn Đức Cường<br>Phạm Khoa học                                             | 66MEC2<br>66MEC2<br>66MEC2                     | ThS. Nguyễn Văn Tiến<br>ThS. Nguyễn Thị Thanh Dung |
| 13. | CK-2023-13 | Nghiên cứu hệ thống tự động đỗ cho xe                                                     | Bùi Hữu Hiệp<br>Chu Anh Dũng                                                                  | 65MEC1<br>65MEC2                               | ThS. Nguyễn Như Bách                               |
| 14. | CK-2023-14 | Mô phỏng nhiệt, so sánh cấu trúc làm mát trong động cơ không đồng bộ                      | Bùi Xuân Thành<br>Đoàn Văn Thương<br>Nguyễn Đức Thuận<br>Nguyễn Minh Huy                      | 66MEC1<br>66MEC1<br>66MEC1<br>66MEC1           | ThS. Phan Thị Cẩm Trang                            |
| 15. | CK-2023-15 | Nghiên cứu, xây dựng đặc tính mômen - góc nghiêng rotor trong động cơ không đồng bộ 3 pha | Nguyễn Thành Đạt<br>Nguyễn Văn Đạt<br>Bùi Xuân Bắc<br>Tống Hùng                               | 66MEC1<br>66MEC1<br>66MEC1<br>65MEC2           | ThS. Nguyễn Văn Mẫn<br>TS. Nguyễn Đức Bắc          |

(Danh mục gồm 15 đề tài)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**  
(Theo quyết định số 96 /QĐ-ĐHXDHN ngày 13/1./2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**KHOA XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY**

| TT | Mã số       | Tên đề tài                                                                                                                                | Sinh viên thực hiện                                                                             | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                                  |
|----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1. | CTT-2023-01 | Nghiên cứu xây dựng biểu giá Fit-3 cho các dự án điện mặt trời ở Việt nam kết hợp đánh giá hiệu quả đầu tư của Dự án Bằng Phương pháp CBA | Nguyễn Phương Trang<br>Mai Tân Tân<br>Bùi Thị Thùy Linh                                         | 66KT4<br>64KTE<br>64KTE                        | ThS Phạm Đức Cường                                   |
| 2. | CTT-2023-02 | Nghiên cứu xây dựng định mức thi công bê tông đầm lăn RCC áp dụng trong công trình thủy điện ở Việt Nam                                   | Vũ Gia Bình (Nhóm trưởng)<br>Trình Thị Thu Hà<br>Nguyễn Trung Kiên                              | 64KT8<br>64KT7<br>64KT9                        | ThS. Phạm Đức Cường                                  |
| 3. | CTT-2023-03 | Nghiên cứu quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển trong hoạt động Logistics tại Việt Nam                                                 | Đỗ Khắc Minh Tú<br>Trần thị Thanh Thủy                                                          | 66LGT1<br>66LGT1                               | HD1: ThS. Trần Doãn Huyền<br>HD 2: TS. Bùi Việt Đông |
| 4. | CTT-2023-04 | Phân tích và đánh giá các phương thức vận tải hàng hóa trong hoạt động Logistics                                                          | Nguyễn Diễm Quỳnh<br>Phạm Văn Tiến<br>Trần Thị Tuyết Lan<br>Mai Nam Đức                         | 66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1           | TS. Bùi Việt Đông<br>TS. Nguyễn Đức Mạnh             |
| 5. | CTT-2023-05 | Vai trò của vận tải đường thủy nội địa trong hoạt động Logistics tại Việt nam                                                             | Đào Xuân Nam<br>Nguyễn Thị Huyền Thanh<br>Nguyễn Việt Bách                                      | 66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1                     | TS. Bùi Việt Đông<br>TS. Nguyễn Đức Mạnh             |
| 6. | CTT-2023-06 | Nghiên cứu phát triển hệ thống cảng ICD trong hoạt động Logistics Việt nam                                                                | Khuất Thị Thanh Thảo<br>Nguyễn Thiên Trang                                                      | 66LGT2<br>67LGT2                               | TS. Bùi Việt Đông<br>ThS. Trần Doãn Huyền            |
| 7. | CTT-2023-07 | Nghiên cứu bố trí cọc hợp lý cho kết cấu trụ neo độc lập                                                                                  | Nguyễn Tuấn Anh<br>Trần Mai Phương<br>Phùng Ngọc Hà My                                          | 65CLC2<br>66CLC1<br>63KSCT                     | TS. Nguyễn Đức Mạnh<br>TS. Nguyễn Minh Quý           |
| 8. | CTT-2023-08 | Nghiên cứu xây dựng – quản lý hệ thống bố trí kho bãi và các điểm kết nối kho bãi hợp lý                                                  | Hoàng Duy Thái<br>Đỗ Thiện Lâm Tùng<br>Hà Đức Bình<br>Nguyễn Thị Hồng<br>Nguyễn Thị Tuyết       | 67LGT2<br>67LGT2<br>67LGT2<br>67LGT2           | TS. Nguyễn Đức Mạnh                                  |
| 9. | CTT-2023-09 | Nghiên cứu, so sánh lựa chọn phương pháp xác định hàng tồn kho trong chuỗi cung ứng                                                       | Đinh Thị Mai Anh<br>Trần Trung Kiên<br>Trần Thanh Hiền<br>Phạm Thị Hương Giang<br>Đỗ Thành Long | 66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1 | ThS. Nguyễn Anh Tuấn                                 |



| TT  | Mã số       | Tên đề tài                                                                                                  | Sinh viên thực hiện                                                                              | Lớp                                                 | Giáo viên hướng dẫn                  |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 10. | CTT-2023-10 | Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả marketing trong chuỗi cung ứng trong kỷ nguyên công nghệ số          | Trần Trung Kiên<br>Đinh Thị Mai Anh<br>Lê Minh Dũng<br>Nguyễn Thị Thùy Trang<br>Đinh Mạnh Tường  | 66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1      | ThS. Nguyễn Anh Tuấn                 |
| 11. | CTT-2023-11 | Thực trạng và giải pháp phát triển dịch vụ logistics của Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. | Phan Minh Quân<br>Tạ Xuân Quang<br>Trịnh Xuân Hoàng<br>Nguyễn Duy Hoàng Sang<br>Vũ Quốc Việt     | 67 LTG3<br>67 LTG3<br>67 LTG3<br>67 LTG3<br>67 LTG3 | ThS. Nguyễn Anh Tuấn                 |
| 12. | CTT-2023-12 | Nghiên cứu thực trạng và giải pháp trong chuỗi cung ứng sản phẩm sữa tươi tiệt trùng của Vinamilk           | Nguyễn Hà Trang<br>Vũ Minh Anh<br>Nguyễn Quốc Việt<br>Lại Minh Đức<br>Nguyễn Đình Khánh Nam      | 67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3      | ThS. Nguyễn Sinh Trung               |
| 13. | CTT-2023-13 | Nghiên cứu khái quát chung về chuỗi cung ứng sản phẩm ô tô tại công ty cổ phần ô tô Trường Hải (THACO)      | Lưu Thị Khánh Linh<br>Vũ Thị Ngọc Ánh<br>Phạm Văn Anh                                            | 66 LTG1<br>66 LTG1<br>66 LTG1                       | ThS. Nguyễn Sinh Trung               |
| 14. | CTT-2023-14 | Nghiên cứu tổng quan chuỗi cung ứng sản phẩm điện thoại của hãng Apple                                      | Phan Hải Đăng<br>Nguyễn Duy Hưng<br>Cao Đức Duy                                                  | 66 LTG1<br>66 LTG1<br>66 LTG1                       | ThS. Nguyễn Sinh Trung               |
| 15. | CTT-2023-15 | Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu dầu diesel cho phương tiện vận tải hàng hóa Bắc - Nam | Trần Ngọc Anh<br>Nguyễn Phương Linh<br>Vũ Thị Ngọc Linh<br>Phan Nguyễn Trà My                    | 66 LTG1<br>66 LTG1<br>66 LTG1<br>66 LTG1            | TS Bạch Dương<br>TS. Vũ Minh Tuấn    |
| 16. | CTT-2023-16 | Nghiên cứu về chuỗi cung ứng của các thương hiệu toàn cầu: phát triển thương hiệu doanh nghiệp Việt nam     | Đỗ Quỳnh Chi<br>Phạm Thị Kim Duyên<br>Nguyễn Quỳnh Anh<br>Nguyễn Huy Tâm<br>Nguyễn Đức Trung     | 67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3      | Ths Trần Doãn Huyền<br>TS Bạch Dương |
| 17. | CTT-2023-17 | Phân tích lựa chọn tuyến vận tải hàng hóa Hà Nội – Bình Dương                                               | Vũ Văn Thuận<br>Trần Phúc Lâm<br>Phạm Thị Thảo Quyên<br>Trần Văn An<br>Nguyễn Đình Đức           | 67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3      | TS. Bạch Dương                       |
| 18. | CTT-2023-18 | Ứng dụng CFD nghiên cứu đặc trưng xoáy trong nước nhảy tại bề tiêu năng đáy nhám                            | Hồ Chính Văn<br>Hoàng Thái Học<br>Nguyễn Quang huy<br>Nguyễn Đức Lực                             | 66XD3<br>66XD3<br>66XD3<br>66XD3                    | TS. Trần Công Triệu                  |
| 19. | CTT-2023-19 | Mô hình vận tải ứng dụng đường thủy nội địa trong phát triển mạng lưới vận tải cho ngành Logistics Việt nam | Nguyễn Đăng Trường<br>Trần Hải Dương<br>Nguyễn Quang Việt<br>Trần Thị Nhung<br>Nguyễn Thành Luân | 67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3      | ThS. Trần Thu Trà My                 |

| TT  | Mã số       | Tên đề tài                                                                                                                                          | Sinh viên thực hiện                                                                          | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                      |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 20. | CTT-2023-20 | Nghiên cứu đề xuất mô hình hợp tác Đại học – Doanh nghiệp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực trình độ đại học ngành Logistics ở Việt Nam | Trần Phương Linh<br>Bùi Thanh Ngân<br>Đinh Thị Thương<br>Trần Bảo Ngọc<br>Đặng Lê Hưng       | 66LGT2<br>66LGT2<br>66LGT2<br>66LGT2<br>66LGT2 | ThS. Trần Thu Trà My                     |
| 21. | CTT-2023-21 | Nghiên cứu giải pháp về xuất nhập khẩu cho sản phẩm linh kiện điện tử của công ty Samsung tại Việt nam                                              | Vũ Thị Hoài<br>Lê Quang Huy<br>Đỗ Trí Thành<br>Phạm Hải Nam                                  | 66LGT2<br>66LGT2<br>66LGT2<br>66LGT2           | ThS. Trần Thu Trà My                     |
| 22. | CTT-2023-22 | Nghiên cứu một số giải pháp và công cụ trong lựa chọn phương án Logistics tối ưu                                                                    | Phạm Thị Tú Chi<br>Phan Thị Nga<br>Chu Thị Thanh Tâm<br>Nguyễn Sỹ Khải                       | 66LGT2<br>66XE1<br>66KTE<br>65KDE              | TS. Vũ Quốc Hưng<br>TS. Nguyễn Minh Quý  |
| 23. | CTT-2023-23 | Chuyển đổi số trong Logistics hiện nay                                                                                                              | Hoàng Trung Dũng<br>Nguyễn Diễm Quỳnh<br>Nguyễn ngọc Khánh                                   | 66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1                     | TS. Vũ Quốc Hưng                         |
| 24. | CTT-2023-24 | Nghiên cứu quản lý kho trong chuỗi cung ứng theo mô hình vệ tinh                                                                                    | Hà Diệu Linh<br>Đặng Hoàng Lan<br>Phạm Thị Vân Anh<br>Hoàng Long                             | 66LGT2<br>66LGT2<br>66LGT2<br>66LGT2           | TS. Vũ Quốc Hưng<br>ThS. Trần Thu Trà My |
| 25. | CTT-2023-25 | Nghiên cứu ứng dụng mô hình toán trong phân tích và đánh giá phương án phát triển trung tâm Logistics                                               | Nguyễn Thị Hằng<br>Nguyễn Thành Đạt<br>Bùi Hương Giang                                       | 67LGT2<br>67LGT2<br>67LGT2                     | TS. Nguyễn Minh Quý                      |
| 26. | CTT-2023-26 | Nghiên cứu các giải pháp nâng mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy điện đang vận hành                                                         | Đặng Thanh Nghị<br>Nguyễn Công Ngọc<br>Phùng Quang Thọ                                       | 64XD12<br>64XD6<br>64XD8                       | Ths. Lê Đình Hùng                        |
| 27. | CTT-2023-27 | Xác định lưu lượng qua đập tràn đa giác ứng dụng mô hình Flow-3D                                                                                    | Vũ Gia Bình<br>Bùi Thị Mỹ Nhi<br>Vũ Thị Chi<br>Vũ Thị Ngân<br>Phan Thị Ngọc Ánh              | 64KT8<br>64KT2<br>64KT9<br>64KT1<br>64KT4      | Ths. Phạm Chí Thành                      |
| 28. | CTT-2023-28 | Nghiên cứu ứng dụng mô hình CFD mô phỏng hiện tượng nước nhảy trên kênh                                                                             | Vũ Thị Ngân<br>Vũ Gia Bình<br>Bùi Thị Mỹ Nhi<br>Vũ Thị Chi<br>Phan Thị Ngọc Ánh              | 64KT1<br>64KT8<br>64KT2<br>64KT9<br>64KT4      | Ths. Phạm Chí Thành                      |
| 29. | CTT-2023-29 | Nghiên cứu nâng cao chất lượng chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử thích ứng với tình hình mới sau ảnh hưởng của đại dịch COVID – 19 ở Việt nam | Nguyễn Thị Nhật Ánh<br>Phan Thu Phương<br>Nguyễn Thị Bích Ngọc<br>Dương Tú Anh               | 66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1<br>66LGT1           | TS. Mai Sỹ Hùng                          |
| 30. | CTT-2023-30 | Nghiên cứu chu trình hoạt động Logistics trong các sản thương mại điện tử                                                                           | Phan Thị Huyền Trang<br>Phan Công Danh<br>Vũ Thị Ngọc Minh<br>Trần Nhật Tâm<br>Vũ Đình Trọng | 67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3<br>67LGT3 | TS. Vũ Minh Tuấn                         |

(Danh mục gồm 30 đề tài)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**

(Theo quyết định số: 96 /QĐ-ĐHXDHN ngày 12 /1 /2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**KHOA XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BIỂN VÀ DẦU KHÍ**

| TT | Mã số       | Tên đề tài                                                                                             | Sinh viên thực hiện                                                                                  | Lớp                                                      | Giáo viên hướng dẫn                              |
|----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1. | CTB-2023-01 | Nghiên cứu sóng tràn lên đảo Trường Sa                                                                 | Hoàng Việt Cường<br>Hoàng Đình An<br>Vũ Thành Đạt<br>Nguyễn Văn Đức                                  | 64XDC2<br>64XDC2<br>64XDC2<br>64XDC2                     | ThS. Hồ Đức Đạt                                  |
| 2. | CTB-2023-02 | Nghiên cứu biện pháp hợp lý trong quy trình tính toán cầu lắp cầu kiện của khối chân đế.               | Nguyễn Trọng Hiếu<br>Hoàng Đình Hiệ<br>Nguyễn Phi Long<br>Trần Hoàng Trung<br>Hoàng Đức Mạnh         | 64XDC2<br>64XDC2<br>64XDC2<br>64XDC2<br>64XDC2           | ThS. Nguyễn Trung Dũng                           |
| 3. | CTB-2023-03 | Nghiên cứu các giải pháp lắp ghép kết cấu công trình cho khu quần đảo Trường Sa                        | Vũ Văn Quyền<br>Hoàng Văn Hùng<br>Nguyễn Văn An<br>Nguyễn Minh Hiệp                                  | 65XDC3<br>65XDC3<br>65XDC3<br>65XDC3                     | TS. Bùi Thế Anh                                  |
| 4. | CTB-2023-04 | So sánh, đánh giá tính toán mở rộng vết nứt của cầu kiện bê tông cốt thép chịu uốn theo các tiêu chuẩn | Nguyễn Thế Vinh<br>Trần Minh Chuyên<br>Tạ Văn Thiện                                                  | 64XDC1<br>64XDC1<br>64XDC1                               | ThS. Thái Mạnh Cường                             |
| 5. | CTB-2023-05 | Nghiên cứu điều khiển thông minh cho hệ thống làm mát cho công tác đổ bê tông khối lớn                 | Dương Minh Huy<br>Nguyễn Quang Tuấn<br>Nguyễn Kim Quảng<br>Hoàng Thị Thanh Nga<br>Lương Gia Tiến Tài | 65XDC1<br>65TH3<br>65XDC1<br>65TH2<br>65XD12             | ThS. Dương Thanh Quỳnh<br>ThS. Nguyễn Mạnh Cường |
| 6. | CTB-2023-06 | Nghiên cứu tối ưu hóa kích thước tường góc chắn đất công trình bảo vệ bờ biển                          | Nguyễn Trường Anh<br>Thái Văn Đăng<br>Nguyễn Thành Trung<br>Hiếu<br>Trần Văn Hưng<br>Phạm Văn Trường | 65XDC2<br>65XDC2<br>65XDC2<br>65XDC2<br>65XDC2<br>65XDC2 | ThS. Nguyễn Văn Báu                              |

(Danh mục gồm 06 đề tài)



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**

(Theo quyết định số: 96 /QĐ-ĐHXDHN ngày 13 / 1 /2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

| TT | Mã số        | Tên đề tài                                                                                | Sinh viên thực hiện                                                                               | Lớp                                        | Giáo viên hướng dẫn                    |
|----|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1. | CNTT-2023-01 | Ứng dụng deep learning để dự đoán link cost trong mạng SDN phân tán cỡ lớn                | Ngô Đức Thịnh<br>Nguyễn Trần Lê Tuấn<br>Phạm Hoàng Đăng Trung<br>Đỗ Đức Tiến<br>Dương Công Sơn    | 64CS3<br>64CS3<br>64CS3<br>64CS3<br>64CS3  | ThS. Hoàng Nam Thắng                   |
| 2. | CNTT-2023-02 | Ứng dụng deep learning và federated learning trong phân loại dịch vụ internet             | Phạm Hoàng Đăng Trung<br>Nguyễn Trần Lê Tuấn<br>Đào Việt Cường<br>Vũ Ngọc Minh<br>Dương Công Sơn. | 64CS2<br>64CS2<br>64CS2<br>64CS2<br>64CS2  | ThS. Hoàng Nam Thắng                   |
| 3. | CNTT-2023-03 | Tự động phân công lịch giảng dạy theo lịch bộ môn cho trước                               | Nguyễn Quốc Việt                                                                                  | 66IT1                                      | ThS. Đào Thị Ngọc Hân                  |
| 4. | CNTT-2023-04 | Nghiên cứu công nghệ blockchain và ứng dụng xây dựng Web3 hỗ trợ học tiếng anh cho trẻ em | Hồ Văn Đô<br>Nguyễn Đức Ngọc<br>Vương Quang Huy<br>Trần Mạnh Thế<br>Hoàng Trọng Quý               | 64MHT1<br>65IT3<br>65IT3<br>66IT4<br>66IT3 | ThS. Trần Văn Thọ<br>Đỗ Hoàn           |
| 5. | CNTT-2023-05 | Phát triển framework đồ hoạ máy tính phục vụ cho công nghệ CAD/BIM.                       | Dương Tuấn Anh<br>Nguyễn Thị Thu Trang<br>Trần Trung Hiếu<br>Nguyễn Quốc Khang                    | 66TH1<br>66TH1<br>66TH1<br>66TH1           | ThS. Dương Diệp Thúy<br>Nguyễn Văn Hải |
| 6. | CNTT-2023-06 | Xây dựng thiết bị tạo lập đám mây điểm 3D với chi phí thấp                                | Nguyễn Thị Linh<br>Hoàng Minh Quân<br>Vũ Lê Hoa<br>Nguyễn Thành Công<br>Nguyễn Anh Thảo           | 66TH1<br>66TH1<br>66TH1<br>66TH1<br>65TH3  | TS. Dương Diệp Thúy<br>Nguyễn Văn Hải  |

(Danh mục gồm 06 đề tài)



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI**

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN NĂM 2023**

(Theo quyết định số: 96/QĐ-DHXDHN ngày 13/1/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội)

**BAN QUẢN LÝ VÀ ĐÀO TẠO KỸ SƯ CHẤT LƯỢNG CAO**

| TT  | Mã số       | Tên đề tài                                                                                                                                      | Sinh viên thực hiện                                                                          | Lớp                                            | Giáo viên hướng dẫn                         |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1.  | CLC-2023-01 | Giải pháp mới trong tổ chức giao thông đô thị                                                                                                   | Nguyễn Văn Chung<br>Nguyễn Xuân Hiếu                                                         | 63KSGT<br>63KSGT                               | PGS.TS Nguyễn Việt Phương                   |
| 2.  | CLC-2023-02 | Nghiên cứu ứng xử tường chắn gia cố bằng cốt địa kỹ thuật sử dụng các loại vật liệu đắp khác nhau.                                              | Trần Ngọc Thiện<br>Nguyễn Trọng Khôi<br>Nguyễn Thế Quyền<br>Trần Thanh Quý                   | 63KSGT<br>63KSGT<br>63KSGT<br>63KSGT           | TS. Nguyễn Thanh Sơn                        |
| 3.  | CLC-2023-03 | Nghiên cứu ứng dụng GIS trong cảnh báo trượt lở đất tại khu vực (Nghiên cứu ứng dụng GIS và viễn thám trong phát hiện và cảnh báo trượt lở đất) | Tô Thanh Tùng<br>Nguyễn Khắc Phương Nam<br>Nguyễn Thị Diệu Linh<br>Trần Trung Hiếu           | 65CLC1<br>65CLC2<br>65CLC1<br>65CLC1           | TS. Trần Đình Trọng<br>ThS. Khúc Thành Đông |
| 4.  | CLC-2023-04 | Nghiên cứu hiện tượng lún không đều của nền đường khi được cải tạo mở rộng                                                                      | Phạm Thúc Sự<br>Nguyễn Ngọc Sơn<br>Nhiếp Anh Thắng<br>Lê Thái Duy                            | 64KSGT<br>64KSGT<br>64KSGT<br>64KSGT           | TS. Ngô Việt Đức                            |
| 5.  | CLC-2023-05 | Nghiên cứu đánh giá chất lượng tấm pin mặt trời (Solar Panel) sử dụng Infrared Camera và thuật toán Deep Learning và Machine Learning           | Nguyễn Khắc Phương Nam                                                                       | 65CLC2                                         | PGS.TS Khúc Đăng Tùng                       |
| 6.  | CLC-2023-06 | Nghiên cứu ảnh hưởng của thời tiết cực đoan tới kết cấu pin mặt trời đang sử dụng ở Việt Nam                                                    | Phạm Đình Đức<br>Nguyễn Tiến Thành<br>Nguyễn Văn Chung                                       | 63KSGT<br>63KSGT<br>63KSGT                     | TS. Lê Bá Danh<br>PGS.TS Khúc Đăng Tùng     |
| 7.  | CLC-2023-07 | Nghiên cứu các giải pháp gia cố mái dốc phù hợp với điều kiện địa hình                                                                          | Đinh Thị Oanh<br>Trần Doãn Hiên<br>Nguyễn Văn Thuận<br>Lưu Công Quang Dương<br>Phan Chí Linh | 64KSĐT<br>64KSGT<br>64KSCT<br>64KSGT<br>64KSĐT | TS. Lê Thiết Trung                          |
| 8.  | CLC-2023-08 | Nghiên cứu quy hoạch mặt bằng bãi cảng hợp lý                                                                                                   | Phùng Ngọc Hà My<br>Nguyễn Tuấn Anh<br>Trần Mai Phương                                       | 63KSCT<br>65CLC2<br>65CLC1                     | TS. Nguyễn Minh Quý<br>TS. Nguyễn Đức Mạnh  |
| 9.  | CLC-2023-09 | Nghiên cứu mô hình bài toán cầu tàu kê đến tương tác cọc và nền với các phương pháp khác nhau                                                   | Nguyễn Minh Tâm<br>Nguyễn Ngọc Phan<br>Nguyễn Đức Việt                                       | 64KSCT<br>64KSCT<br>64KSCT                     | TS. Nguyễn Đức Mạnh<br>TS. Nguyễn Minh Quý  |
| 10. | CLC-2023-10 | Nghiên cứu khảo sát điều kiện làm việc và đánh giá hiện trạng của kết cấu bê tông, BTCT trong công trình ven biển và hải đảo ở tỉnh Quảng Ninh  | Đào Trọng Tráng<br>Nguyễn Hoàng Minh Anh<br>Nguyễn Đức Toàn                                  | 64KSVL<br>64KSVL<br>64KSVL                     | TS. Tống Tôn Kiên<br>Th.S Nguyễn Thị Thắng  |

| TT  | Mã số       | Tên đề tài                                                                                                                                                            | Sinh viên thực hiện                                                                       | Lớp                                           | Giáo viên hướng dẫn                          |
|-----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 11. | CLC-2023-11 | Nghiên cứu chế tạo vật liệu gốm tiêu âm có sử dụng mùn cưa làm phụ gia tạo rỗng                                                                                       | Lê Văn Quyết<br>Đặng Quang Dân                                                            | 64KSVL<br>64KSVL                              | TS. Nguyễn Nhân Hòa                          |
| 12. | CLC-2023-12 | Nghiên cứu khả năng kích hoạt xi lò cao nghiền mịn bằng phụ gia Na <sub>2</sub> CO <sub>3</sub>                                                                       | Khuất Trung Kiên<br>Nguyễn Duy Anh                                                        | 64KSVL<br>64KSVL                              | PGS.TS Nguyễn Ngọc Lâm                       |
| 13. | CLC-2023-13 | Nghiên cứu ảnh hưởng của hợp phần (nhựa, chất đóng rắn, xúc tiến) đến phản ứng đóng rắn của nhựa epoxy DER331 ứng dụng cho vật liệu polyme compozit cốt sợi thủy tinh | Nguyễn Minh Hiếu<br>Phạm Đức Minh<br>Vũ Phương Minh<br>Nguyễn Khánh Ly<br>Đỗ Duy Nguyên   | 66CLC1<br>66CLC1<br>66CLC1<br>66CLC1<br>65MSE | ThS. Lê Hà Nhật<br>TS. Đỗ Thị Thanh Hà       |
| 14. | CLC-2023-14 | Nghiên cứu chế tạo polyme vô cơ chịu nhiệt rất cao từ phế thải một số nhà máy trên cơ sở hệ polyme phốt phát                                                          | Đỗ Minh Phương<br>Cù Phước Bình<br>Nguyễn Thị Quỳnh Anh<br>Lê Bình Nguyên<br>Lại Thế Vinh | 66CLC2<br>66CLC1<br>66CLC2<br>66CLC1<br>66MSE | ThS Trần Thị Minh Nguyệt<br>TS Lê Mạnh Cường |
| 15. | CLC-2023-15 | Nghiên cứu và đánh giá ảnh hưởng của Graphene đến một số tính chất của sơn Polymer vô cơ                                                                              | Đỗ Xuân Đức<br>Phạm Quang Thái<br>Nguyễn Kiều Phong<br>Hoàng Mạnh Nam<br>Hoàng Nguyệt Ánh | 64KSCT<br>64KSGT<br>64KSĐT<br>64KSĐT<br>65MSE | TS. Bùi Thị Thanh Huyền<br>TS. Lê Mạnh Cường |
| 16. | CLC-2023-16 | Nghiên cứu ứng dụng giải pháp thoát nước bền vững cho một tuyến đường, hoặc một khu dân cư                                                                            | Nguyễn Anh Đức<br>Nguyễn Hưng Hải<br>Lương Hồng Quý                                       | 64KSĐT<br>64KSĐT<br>64KSĐT                    | ThS. Nguyễn Ngọc Hùng                        |
| 17. | CLC-2023-17 | Nghiên cứu về Kiến trúc nhà ở công nhân                                                                                                                               | Phạm Quang Huy<br>Hoàng Hữu Trung<br>Đoàn Đức Trường                                      | 64KSĐT<br>64KSĐT<br>64KSĐT                    | ThS. Nguyễn Xuân Nghĩa                       |
| 18. | CLC-2023-18 | Tổ chức không gian giao thông, cải thiện cảnh quan khuôn viên xung quanh trường Đại học Xây dựng Hà Nội và INSA Lyon (Pháp) hướng đến giảm phát thải                  | Bùi Tuấn Minh<br>Lê Văn Cao<br>Hoàng Quốc Dũng<br>Lại Minh Đức                            | 63KSĐT<br>63KSĐT<br>63KSĐT<br>63KSĐT          | PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai                 |
| 19. | CLC-2023-19 | Nghiên cứu ứng dụng BIM mô hình hóa hạ tầng kỹ thuật đô thị tại 01 dự án của tập đoàn Vinaconex                                                                       | Vũ Tiến Đạt<br>Phạm Thu Hương                                                             | 63KSĐT<br>63KSĐT                              | TS. Tống Ngọc Tú                             |
| 20. | CLC-2023-20 | Giải pháp tiếp cận an toàn đến trường Đại học Xây Dựng Hà Nội từ hướng đường Giải Phóng                                                                               | Bùi Phương Thảo<br>Dương Văn Long<br>Bùi Thị Thùy Dương                                   | 63KSĐT<br>63KSĐT<br>63KSĐT                    | PGS.TS Hồ Ngọc Hùng                          |
| 21. | CLC-2023-21 | Thu gom nước mưa và sử dụng nước mưa để tạo cảnh quan nước cho các không gian công cộng trong khu tập thể                                                             | Trần Thị Phương Trang<br>Nguyễn Thị Tuyết                                                 | 63KSĐT<br>63KSĐT                              | PGS. TS Nguyễn Quang Minh                    |
| 22. | CLC-2023-22 | Thoát nước bền vững ở dự án TD5 Gia Lâm - Hà Nội                                                                                                                      | Hoàng Thị Linh                                                                            | 63KSĐT                                        | TS. Lương Thị Ngọc Huyền                     |

(Danh mục gồm 22 đề tài)